

Số: 276/BC-SYT

Trà Vinh, ngày 19 tháng 7 năm 2019

**BÁO CÁO CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG 7 NĂM 2019 VÀ  
KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 8 NĂM 2019**  
(Từ ngày 05/6/2019 đến ngày 04/7/2019)

**A. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG 7 NĂM 2019**

**I. CÁC HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN Y TẾ**

**1. Công tác Kiểm soát bệnh tật**

**1.1 Tình hình dịch bệnh, các bệnh truyền nhiễm gây dịch và các hoạt động phòng, chống dịch bệnh (tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/6/2019)**

*a) Tình hình dịch bệnh*

- Phát hiện 29 ổ dịch Sốt xuất huyết xảy ra tại: huyện Cầu Kè (05), huyện Tiểu Cần (04), huyện Châu Thành (01), huyện Trà Cú (05), huyện Cầu Ngang (12), huyện Duyên Hải (01) và Thị xã Duyên Hải (01); xử lý 29 ổ. Cộng dồn tổng số ổ dịch được xử lý/ổ dịch được phát hiện là 110 ổ, tăng so với cùng kỳ năm 2018 (39 ổ).

- Không phát hiện ổ dịch Tay chân miệng; cộng dồn 01 ổ dịch (ấp Ông Rùm 1, xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần), xử lý 01 ổ dịch, bằng so với cùng kỳ 2018 (01/01 ổ).

*b) Các bệnh truyền nhiễm gây dịch (chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm)*

- **Cúm A (H5N1, H7N9, H1N1), bệnh do vi rút Zika:** Trên địa bàn tỉnh Trà Vinh không phát hiện trường hợp bệnh có liên quan cúm A (H5N1, H7N9, H1N1) và bệnh do vi rút Zika.

- **Tay chân miệng:** mắc 26 ca, tử vong 00, huyện có số ca mắc cao là: Cầu Kè (08 ca), Tiểu Cần (05 ca), Trà Cú (03 ca), Cầu Ngang (03 ca). Cộng dồn mắc 185 ca, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2018 (135 ca), không tử vong.

- **Sốt xuất huyết:** mắc 219 ca, tử vong 00; huyện có ca mắc cao là: TPTV (24 ca); Càng Long (18 ca); Cầu Kè (27 ca); Tiểu Cần (22 ca); Châu Thành (21 ca); Trà Cú (30 ca); Cầu Ngang (39 ca); Duyên Hải (29 ca); Thị xã Duyên Hải (09 ca). Cộng dồn mắc 1.016 ca, tăng 160,5% so với cùng kỳ năm 2018 (390 ca), không có tử vong.

- **Sốt rét:** không phát hiện, giảm 100% so với cùng kỳ năm 2018 (04 ca).

- **Sốt phát ban nghi Sởi:** mắc 14 ca, tử vong 00, huyện có số ca mắc cao là: Càng Long (03 ca), Cầu Kè (03 ca); Trà Cú (04 ca). Cộng dồn mắc 94 ca (trong đó có 07 ca xét nghiệm dương tính với bệnh Sởi), tăng 92 lần so với cùng kỳ năm 2018 (02 ca), không tử vong.

- **Ho gà:** mắc 01 ca, tử vong 00. Cộng dồn mắc 03 ca tại huyện Càng Long (01 ca), huyện Châu Thành (01 ca) và huyện Cầu Kè (01 ca); số mắc giảm 25% so với cùng kỳ năm 2018 (04 ca), không tử vong.

- **Quai bị:** phát hiện 04 ca, huyện có ca mắc là TP. Trà Vinh (01 ca), huyện Càng Long (02 ca), huyện Cầu kè (01 ca). Cộng dồn mắc 58 ca, giảm 19,4% so với cùng kỳ năm 2018 (72 ca), không tử vong.

### *c) Các hoạt động phòng, chống dịch bệnh*

Sở Y tế đã chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố tăng cường các công tác phòng, chống dịch bệnh, cụ thể: ban hành Công văn số 1352/SYT-NVY ngày 14/6/2019 về việc phối hợp triển khai chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin Sởi – Rubella cho trẻ 1-5 tuổi năm 2019; Công văn số 1612/SYT-NVY ngày 10/7/2019 về việc tăng cường phòng, chống Sốt xuất huyết; Kế hoạch số 486/KH-KSBT ngày 10/6/2019 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật về việc hoạt động hưởng ứng “Ngày ASEAN phòng, chống Sốt xuất huyết”.

Thu thập báo cáo các bệnh truyền nhiễm và báo cáo sốt phát ban nghi sởi tuần. Giám sát, lấy mẫu trường hợp mắc sốt phát ban nghi Sởi tại Bệnh viện Sản - Nhi gửi Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh làm xét nghiệm.

### **1.2 Hoạt động Tiêm chủng mở rộng**

Triển khai Hội nghị chiến dịch tiêm vắc xin Sởi/Rubella vùng nguy cơ cao tại 07 huyện: Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang và Duyên Hải. Cấp vắc xin Sởi – Rubella; giám sát chiến dịch tiêm vắc xin Sởi/Rubella vùng nguy cơ cao tại 07 huyện triển khai chiến dịch.

\* *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem Bảng 1, Phụ lục 2 đính kèm.*

### **1.3 Hoạt động Phòng, chống Sốt xuất huyết (SXH)**

Giám sát côn trùng Sốt xuất huyết tại xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú và thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải. Phối hợp với Viện Pasteur TP. HCM giám sát hoạt động phòng, chống Sốt xuất huyết tại huyện Trà Cú. Giám sát phun hóa chất dập dịch diện rộng tại huyện Trà Cú. Giám sát chiến dịch diệt lăng quăng và phun hóa chất dập dịch diện rộng tại huyện Duyên Hải. Giám sát điều tra ổ bọ gây nguồn tại xã Long Hòa, huyện Châu Thành và thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần.

\* *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem Bảng 2, Phụ lục 2 đính kèm.*

### **1.4 Hoạt động Phòng, chống Sốt rét**

Trong tháng, các điểm kính đã xét nghiệm 774 lam máu tìm ký sinh trùng Sốt rét, tất cả đều âm tính.

\* *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem Bảng 3, Phụ lục 2 đính kèm.*

### **1.5 Hoạt động Phòng, chống Phong, Da liễu, Hoa liễu, bệnh lây truyền qua đường tình dục**

Tổ chức khám phát hiện bệnh nhân.

\* *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem Bảng 4, Phụ lục 2 đính kèm.*

### **1.6 Hoạt động Chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp**

Quan trắc môi trường lao động cho Công ty TNHH may Hồng Việt, Phòng khám đa khoa An Phúc, Bệnh viện Quân dân y Trà Vinh, Bệnh viện Sản Nhi Trà Vinh, Công ty CP Thủy sản đông lạnh Long Toàn.

Trả lời kết quả quan trắc môi trường lao động cho Công ty cổ phần Thủy sản Cửu Long, Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè, Công ty TNHH may Hồng Việt, Công ty cổ phần Trà Bắc, Bru điện Trà Vinh (tổng số mẫu đo: 1.807 mẫu; số mẫu không đạt tiêu chuẩn vệ sinh: 386 mẫu).

Tổ chức 03 lớp tập huấn “ Nâng cao năng lực giám sát vệ sinh lao động cho cán bộ y tế tuyến huyện, tuyến xã ” (có 101 học viên tham dự). Tổ chức 01 lớp tập huấn “Nâng cao năng lực phòng, chống bệnh nghề nghiệp cho cán bộ y tế các cơ sở sản xuất” (có 37 học viên tham dự).

*\* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem **Bảng 5, Phụ lục 2** đính kèm.*

### **1.7 Hoạt động Sức khỏe môi trường – Y tế trường học**

Khám và điều trị răng miệng tại phòng nha (tổng số khám: 85 lượt; điều trị: 98 lượt). Tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước tại các cơ sở cung cấp nước: tuyến tỉnh: 12 mẫu. Tham dự mitting hưởng ứng Ngày môi trường thế giới năm 2019 tại huyện Duyên Hải. Giám sát các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Tháng hành động vì môi trường, Ngày môi trường thế giới năm 2019. Góp ý kiến cho dự thảo Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Lập kế hoạch triển khai Chỉ thị 48-CT/TU của Tỉnh ủy về việc thực hiện kế hoạch thu gom vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh.

*\* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem **Bảng 6, Phụ lục 2** đính kèm.*

### **1.8 Hoạt động Phòng, chống bệnh Đái tháo đường - Rối loạn do thiếu I ốt**

Khám bứu cổ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 13 lượt; Siêu âm: 04 ca.

*\* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem **Bảng 7, Phụ lục 2** đính kèm.*

### **1.9 Hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em**

Tham gia cùng Viện Y tế công cộng TP.HCM giám sát ngày Vi chất dinh dưỡng tại huyện Tiểu Cần và xã Hiếu Tử. Giám sát cân đo 15 trẻ suy dinh dưỡng ở huyện Châu Thành.

*\* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem **Bảng 8, Phụ lục 2** đính kèm.*

### **1.10 Hoạt động Phòng, chống bệnh Tim mạch, Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi**

Giám sát hoạt động lồng ghép Tăng huyết áp và Đái tháo đường cho xã điểm Hòa Lợi huyện Châu Thành.

Phối hợp với Ban đại diện Hội người cao tuổi tỉnh Trà Vinh kiểm tra, giám sát hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi nhân ngày Người cao tuổi Việt Nam 6/6.

*\* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem **Bảng 9, Phụ lục 2** đính kèm.*

### **1.11 Hoạt động Phòng, chống bệnh Lao**

Tổ chức khám phát hiện bệnh nhân: tổng số bệnh nhân được khám là 1.276 (Trong đó: BK (+): 31, BK (-): 06, Ngoài phổi: 10). Bệnh viện Lao và bệnh Phổi hội chẩn và làm hồ sơ chuyên về tuyến huyện quản lý điều trị: 48 ca (trong đó có 35 ca do nơi khác chuyển đến). Tư vấn và xét nghiệm HIV cho bệnh nhân Lao: 03 ca (dương tính: 00, âm tính: 03).

*\* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem Bảng 10, Phụ lục 2 đính kèm.*

### **1.12 Hoạt động Phòng, chống Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản (BPTNMT&HPQ)**

Tổ chức khám sàng lọc 625 bệnh nhân, thu dung quản lý điều trị 13 bệnh nhân.

*\* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem Bảng 11, Phụ lục 2 đính kèm.*

### **1.13 Hoạt động Bảo vệ sức khỏe tâm thần**

Khám và điều trị bệnh tại Trạm Y tế, Trung tâm Y tế huyện, Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Góp ý dự thảo Đề án tiếp nhận đối tượng khuyết tật thân kinh, tâm thần hoàn cảnh khó khăn và nguy cơ gây thương tích cho cộng đồng vào Trung tâm Bảo trợ xã hội.

*\* Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem Bảng 12, Phụ lục 2 đính kèm.*

### **1.14 Hoạt động Phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS**

a) *Tình hình dịch HIV/AIDS qua giám sát phát hiện tại tỉnh Trà Vinh (tính từ ngày 01/6/2019 đến 30/6/2019)*

Số người nhiễm HIV mới được phát hiện trong tỉnh là 11 người, cộng dồn: 88 người. Số người chuyển sang bệnh AIDS là 08 người, cộng dồn 71 người. Số người tử vong vì HIV/AIDS là 05 người, cộng dồn 20 người.

Lũy tích đến ngày 30/6/2019, số người nhiễm HIV được phát hiện trong tỉnh là 2.229 người. Số người chuyển sang bệnh AIDS là 1.575 người. Số người tử vong vì HIV/AIDS là 914 người.

Số người nhiễm HIV/AIDS hiện còn sống trong tỉnh là 1.315 người. Số bệnh nhân AIDS hiện còn sống là: 661 người. Trong đó có 642 bệnh nhân được điều trị ARV (trẻ em: 24).

b) *Các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS*

Tổ chức Lễ mittinh “Tháng cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con năm 2019” tại huyện Càng Long. Phân phối băng rol, tờ rơi, áp phích và bao cao su tuyên truyền tháng chiến dịch Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con năm 2019 cho Bệnh Viện đa khoa và TTYT huyện, thị xã, thành phố.

Tổ chức truyền thông phổ biến kiến thức HIV/AIDS tại Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh (có 130 người tham dự). Tổ chức truyền thông phổ biến kiến thức HIV/AIDS tại Trường Cao đẳng Y tế Trà Vinh (có 205 sinh viên tham dự). Tham gia Ban giám khảo Hội thi phổ biến, giáo dục pháp luật về tìm hiểu phòng chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh Lần thứ II-2019. Kiểm tra, giám sát đánh giá hoạt động phòng, chống HIV/AIDS 6 tháng đầu năm 2019 tại Trung tâm Y tế huyện Trà Cú;

Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè; Trung tâm Y tế huyện Càng Long; Trung tâm Y tế huyện Châu Thành; TP Trà Vinh và BVĐK Trà Vinh.

Tư vấn xét nghiệm cho đối tượng nguy cơ lây nhiễm HIV: 22 người. Giám sát người nhiễm HIV mới tại BV Đa khoa Trà Vinh, BV Sản - Nhi, BV Lao và Bệnh phổi (11 người). Chuyển gửi 06 người nhiễm HIV mới đến các Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS để đăng ký điều trị ARV.

*Điều trị thay thế nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone:* Số bệnh nhân hiện đang điều trị: 19; Số lượt khám bệnh, tư vấn và ghi đơn thuốc: 40; Số thuốc Methadone cấp phát: 2.783,4ml; Số bệnh nhân xét nghiệm nước tiểu tìm Heroine: 16 ca, trong đó 07 ca dương tính.

*Điều trị bệnh nhân HIV/AIDS bằng thuốc ARV:* Số bệnh nhân HIV/AIDS được bắt đầu điều trị ARV: 09, cộng dồn: 74 người. Số bệnh nhân HIV/AIDS hiện đang điều trị ARV: 642 người (trong đó trẻ em: 24). Số bệnh nhân điều trị Lao được bắt đầu điều trị ARV: 00, cộng dồn: 04 người. Số bệnh nhân mới đăng ký điều trị ARV được điều trị dự phòng nhiễm trùng cơ hội bằng thuốc Cotrimoxazol: 00; cộng dồn: 52 người. Số bệnh nhân mới đăng ký điều trị ARV được điều trị dự phòng mắc Lao bằng thuốc Isoniazid (INH): 10 người; cộng dồn: 69 người. Số bệnh nhân điều trị ARV có thể BHYT: 516 người.

*Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con:* Số lượt phụ nữ mang thai được tư vấn xét nghiệm HIV: 533 người, cộng dồn: 4.673 người. Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng thuốc ARV: 02 người, cộng dồn: 10 người. Số trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được dự phòng bằng thuốc ARV: 02 người, cộng dồn: 06 người. Số trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được làm xét nghiệm PCR lần 1 là 01 trẻ, cộng dồn: 11 (âm tính: 09, dương tính: 02). Số trẻ xét nghiệm PCR lần 1 (+) được làm xét nghiệm PCR lần 2 là 00 trẻ, cộng dồn: 01 (âm tính: 00, dương tính: 01).

\* *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem **Bảng 13, Phụ lục 2** đính kèm.*

### **1.15 Hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản**

Triển khai các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: Siêu âm: 203 người; Điện tim: 13 người; Khám phụ khoa: 344 người; Điều trị phụ khoa: 04 người; KHGD: 08 người; Tư vấn KHHGD: 06 người; Hút thai: 01 người.

\* *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem **Bảng 14, Phụ lục 2** đính kèm.*

### **1.16 Hoạt động Truyền thông y tế**

Lập kế hoạch tờ tin số 5; Thu nhận tin, bài tờ tin số 05 và Trang tin điện tử tháng 6/2019. Duyệt, lên maket, xin giấy phép xuất bản và in tờ tin số 04. Chấm và trả nhuận bút trang tin điện tử tháng 05 và Tờ thông tin sức khỏe số 1,2,3. Lập kế hoạch Truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng, chống bệnh Sốt xuất huyết và ngày Môi trường thế giới. Chỉ đạo tuyến về tuyên truyền phòng, chống Sốt xuất huyết. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình phát mẫu tuyên truyền. Phối hợp với Báo Trà Vinh đăng bài tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh. Khảo sát việc sửa chữa panô tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh tại các huyện, thị xã và

thành phố. Lập kế hoạch giám sát hoạt động truyền thông quý II/2019 các Trung tâm Y tế huyện, thị xã và thành phố.

\* *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem **Bảng 15, Phụ lục 2** đính kèm.*

### **1.17 Hoạt động Phòng khám Tư vấn và điều trị dự phòng**

Tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, khám, tư vấn và điều trị dự phòng.

\* *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem **Bảng 16, Phụ lục 2** đính kèm.*

### **1.18 Hoạt động Xét nghiệm**

Thực hiện các xét nghiệm thường quy: tổng số 3.540 mẫu. Lấy, bảo quản, vận chuyển 23 mẫu Sốt phát ban nghi sởi gửi Viện Pasteur phân tích. Soi kiểm tra 723 lam Ký sinh trùng Sốt rét âm tính của các Trung tâm Y tế. Gửi 65 lam Ký sinh trùng Sốt rét âm tính về Viện Sốt rét – Ký sinh trùng - Côn trùng Tp. HCM kiểm tra. Thực hiện ngoại kiểm tra Sinh hóa - Huyết học lần 6/2019 với Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm Tp.HCM. Trục tư vấn, xét nghiệm HIV và Morphin/heroin tại cơ sở điều trị Methadone. Thực hiện lấy mẫu máu xét nghiệm HIV cho đối tượng nguy cơ cao là các trại viên tại Trại giam Bến Giá, Công an tỉnh (tổng số 417 mẫu).

\* *Kết quả thực hiện các chỉ tiêu xem **Bảng 17, Phụ lục 2** đính kèm.*

## **2. Công tác Khám, chữa bệnh**

Tổng số lượt khám bệnh: 175.227 lượt người; Điều trị nội trú: 13.141 người; Điều trị ngoại trú: 994 người.

*Tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh:* Khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ: 1.129 lượt (trong đó chăm sóc sức khỏe tại nhà 10 lượt); Khám sức khỏe cấp phép lái xe, xin việc làm: 6.754 lượt; Giám định y khoa: 00 người. Triển khai chỉ đạo tuyến các đơn vị theo kế hoạch năm 2019: nhận hướng dẫn thực hành cho 08 cán bộ y tế của TTYT Trà Cú, Cầu Ngang, Bệnh viện Sản Nhi học về thực hành, chăm sóc hậu phẫu, phụ mổ và CTCH. Hội Cựu chiến binh phối hợp về nguồn khám bệnh cho 300 bệnh nhân ở 02 xã Tập Sơn và Tân Sơn huyện Trà Cú; Đoàn Thanh niên tổ chức khám bệnh cho bệnh nhân tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh 02 đợt/tháng cho 60 bệnh nhân.

## **3. Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD)**

Tham gia đoàn khảo sát đánh giá thực trạng và đề xuất mô hình tổ chức thực hiện công tác dân số phát triển tại Việt Nam của Viện Chiến lược và Chính sách y tế đến làm việc tại Chi cục Dân số-KHHGD, Trung tâm Y tế huyện Châu Thành và UBND xã Hòa Minh huyện Châu Thành. Lập thủ tục hành chính trong lĩnh vực Dân số. Nhận 2.000 chiếc vòng Tcu 380A và 500 bộ thuốc tiêm tránh thai do Trung ương cấp. Cấp cho Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải, Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè, Bệnh viện Sản Nhi: 600 chiếc vòng Tcu 380A, 200 vỉ thuốc tránh thai Naphalevo, 200 vỉ thuốc tránh thai Ideal và 250 bộ thuốc tiêm tránh thai. Cấp phát tài liệu Mất cân bằng giới tính khi sinh cho huyện, thị xã, thành phố (180 cuốn). Gửi thông báo cho Trung tâm Y tế Cầu Ngang danh sách trẻ xét nghiệm sàng lọc sơ sinh lần 2. Xây dựng kế hoạch hưởng ứng kỷ niệm ngày Dân số Thế giới 11/7. Cắt băng rôn tuyên truyền trên các trục lộ chính tại thành phố Trà Vinh hưởng ứng Ngày Dân số thế giới 11/7. Theo dõi hoạt động truyền thông huyện, thị xã, thành phố hưởng ứng ngày Dân số thế giới 11/7. Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai

mô hình tảo hôn, kết hôn cận huyết thống tại các xã năm 2019. Hỗ trợ cài đặt phần mềm MIS2019 tại huyện Trà Cú. Giám sát công tác đổi sổ hộ gia đình của các huyện, thị xã, thành phố. Kiểm tra kho dữ liệu điện tử về Dân số - KHHGĐ tại các huyện, thị xã, thành phố.

#### **4. Công tác An toàn thực phẩm (ATTP)**

Tiếp nhận hồ sơ và thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP: 24 hồ sơ, lũy kế 107 hồ sơ. Tiếp nhận tự công bố sản phẩm: 09 sản phẩm (rượu lão tửu, rượu chuối hột, cá basa fillet đông lạnh, cá basa cắt khoanh đông lạnh, dầu gấc nguyên chất, nước uống đóng chai, nước đá dùng liền), lũy kế 111 sản phẩm.

Giám sát ATTP tại Học kỳ quân đội ở Trung Đoàn Bộ Binh 926 xã Nguyệt Hóa, Trung tâm Hội nghị tỉnh Trà Vinh, Trường THPT Phạm Thái Bường với tổng cộng 5.720 suất ăn. Kiểm tra, giám sát bảo đảm ATTP nhân dịp kỷ niệm 100 năm Lễ hội cúng biển Mỹ Long năm 2019. Phối hợp với viện Y tế Công cộng lấy mẫu giám sát muối nguy với 21 mẫu thực phẩm (nước, thực phẩm chức năng và bao bì tiếp xúc với thực phẩm).

Tập huấn kiến thức ATTP cho đối tượng kinh doanh thức ăn đường phố tại huyện Tiểu Cần, huyện Cầu Kè, TP. Trà Vinh, với 13 lớp có 615 người tham gia.

Ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm thức ăn đường phố năm 2019.

Thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về ATTP đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm thuộc ngành Y tế quản lý năm 2019; kết quả kiểm tra được 29 cơ sở và lấy 29 mẫu nước uống đóng chai kiểm tra chất lượng sản phẩm sau công bố.

#### **5. Công tác Kiểm nghiệm dược, mỹ phẩm**

Tổ chức 73 lượt kiểm tra, lấy 74 mẫu gồm tân dược, đông dược, dược liệu tại các nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý thuốc tại TP Trà Vinh, các huyện trong tỉnh và Công ty cổ phần Dược phẩm TV.Pharm.

*\* Kết quả kiểm nghiệm:*

- 73 mẫu đạt.

- 01 mẫu không đạt: Số phiếu KN: 275G/KN-19; VNE ACEMOL (Paracetamol 325mg); Số lô: 0180618A; NSX: 02.06.18; HD: 02.12.21; SDK: VD-16812-12; Nơi sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9.

#### **6. Công tác Pháp y**

Trong tháng, giám định pháp y: 31 vụ (trong đó, giám định thương tích 25 vụ; giám định tình dục 06 vụ). Tính từ đầu năm đến nay đã giám định pháp y: 152 vụ (trong đó, giám định thương tích 124 vụ; giám định tình dục 28 vụ).

## **II. CÁC CÔNG TÁC KHÁC**

### **1. Công tác Tổ chức cán bộ - Hành chính**

Ban hành: Công văn V/v tập trung lãnh đạo chỉ đạo thực hiện về đích các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X nhiệm kỳ 2015-2020; Công văn báo cáo đánh giá nhanh thực trạng công tác đào tạo liên tục theo Thông tư 22/2013/ TT-BYT về Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo của BYT; Công văn thông báo các đơn vị trực thuộc rà soát việc sắp xếp bố trí đội ngũ y bác sĩ cho phù

hợp để sử dụng hợp lý cơ sở vật chất, trang thiết bị đã được đầu tư; Công văn gửi Ban Chỉ huy Quân sự Tp Trà Vinh V/v cử viên chức tham dự lớp Quân nhân dự bị ngành Quân y năm 2019 do Cục Hậu cần quân khu 9 tổ chức tại Tp Cần Thơ; Công văn V/v thực hiện chi trả chế độ trợ cấp cho viên chức khi chuyển công tác.

Thực hiện các thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đối với lái xe được chuyển đến Đề án Quản lý xe ô tô công lập tập trung của tỉnh từ ngày 01/7/2019 và sắp xếp nhân lực tài xế theo Nghị định 68 và theo đề án về xe công của UBND tỉnh. Trình UBND tỉnh V/v xin điều chỉnh danh sách công chức cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh; Xây dựng Kế hoạch vị trí thăng hạng IV lên hạng III của viên chức theo yêu cầu của Sở Nội vụ; Xây dựng quy trình điện tử và cung cấp thông tin công khai quy trình xử lý thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công của ngành gửi Sở Thông tin và Truyền thông. Triển khai chữ ký số, Ioffice cho Sở và các đơn vị để thực hiện. Thực hiện và triển khai công văn của VP UBND tỉnh về việc tham mưu thực hiện Kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính Phủ. Thực hiện việc hướng dẫn nâng xếp hạng chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật (Chỉ số BI). Thực hiện sửa đổi bổ sung 1 số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức.

Trình UBND tỉnh công bố Quy trình nội bộ đối với các Trung tâm HC thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế. Trình Sở Nội vụ kế hoạch về số lượng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của các đơn vị trực thuộc (117 vị trí). Tham gia Hội thi chung tay cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh lần thứ II/2019.

Thông báo cho các đơn vị V/v triển khai thực hiện Công điện 584/CĐ-TTg ngày 19/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng chống chữa cháy năm 2019. Thông báo về việc thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TV của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gửi các đơn vị thực hiện. Thông báo cho các đơn vị trực thuộc về việc hướng dẫn điều chỉnh mức lương cơ sở đóng BHXH, BHYT, BHTN lao động và bệnh nghề nghiệp. Thông báo về việc tuyển dụng viên chức năm 2019 trên Trang thông tin điện tử của ngành. Thông báo và triển khai về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ.

## **2. Công tác Kế hoạch - Tài chính**

Trình Vụ trang thiết bị công trình y tế - Bộ Y tế thẩm định cấu hình, chỉ tiêu kỹ thuật trang thiết bị thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình BVĐK tỉnh Trà Vinh.

Trình Sở Kế hoạch và Đầu tư: thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án mua sắm trang thiết bị cho các Bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện (60 tỷ); xin điều chỉnh khoản 5, 8 điều 1 Quyết định 2158/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu mua sắm trang thiết bị cho BVĐK tỉnh (42 tỷ).

Trình Sở Tài chính: Xin chủ trương cho Bệnh viện Sản Nhi sử dụng tài sản công tại đơn vị vào mục đích liên doanh, liên kết triển khai phòng tiêm chủng dịch



vụ chất lượng cao; in ấn biểu mẫu hồ sơ, mua sắm văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ vật tư văn phòng; xin điều kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua trang thiết bị phục vụ phòng, chống dịch cúm A/H1N1 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh; Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ và in biểu mẫu hồ sơ bệnh án của Trung tâm Y tế huyện Trà Cú; Xin chủ trương in ấn biểu mẫu hồ sơ, mua sắm văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ vật tư văn phòng của Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè; Xin chủ trương thực hiện vệ sinh công nghiệp của Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải.

Phê duyệt kế hoạch kiểm tra giám sát chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt của Trung tâm Y tế: thị xã Duyên Hải, huyện Duyên Hải, Cầu Kè; Kế hoạch hoạt động bảo vệ môi trường cho Trung tâm Y tế: Càng Long, Trà Cú, Cầu Ngang, thành phố Trà Vinh, Tiểu Cần; Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm văn phòng phẩm, vật tư văn phòng cho BVYD cổ truyền.

Chỉ đạo: Chi cục Dân số KHHGD triển khai thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật triển khai kế hoạch thực hiện Dự án 4 – Phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 2019 – 2020, triển khai thực hiện phòng Tiêm chủng dịch vụ chất lượng cao. Chỉ đạo Chi cục ATVSTP và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật triển khai thực hiện Dự án 8 – Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình và truyền thông y tế giai đoạn 2019 – 2020. Báo cáo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020. Thẩm định kế hoạch hoạt động của Hội Đông y - Châm cứu gắn với nhiệm vụ nhà nước giao năm 2020.

Báo cáo xét chọn tư vấn lập hồ sơ yêu cầu, phân tích đánh giá hồ sơ đề xuất, tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm thiết bị thông dụng và y tế thuộc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đầu tư xây dựng 3 Trạm Y tế xã đặc biệt khó khăn và khó khăn tỉnh Trà Vinh (Đôn Châu huyện Duyên Hải, Ngọc Biên huyện Trà Cú và Trường Thọ huyện Cầu Ngang) và công trình đầu tư xây dựng Trạm Y tế xã Đại Phúc, huyện Càng Long và Trạm Y tế xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành.

Phối hợp với BVĐK khu vực Tiểu Cần thống nhất yêu cầu đầu tư để chuẩn bị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Mở rộng BVĐK khu vực Tiểu Cần khi có Nghị quyết của HĐND thông qua.

Hoàn chỉnh danh mục dự kiến đăng ký trung hạn 2021-2025; Xây dựng dự toán ngân sách năm 2020. Thực hiện báo cáo UBND tỉnh về 02 dự án BVĐK tỉnh, BVĐK Duyên Hải. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách tỉnh).

### **3. Công tác Đầu tư xây dựng cơ bản và Mua sắm Trang thiết bị y tế**

#### **3.1 Đầu tư xây dựng cơ bản**

\* **Công trình BVĐK huyện Duyên Hải:** Trạm biến áp: đã thi công xong. Khối điều trị nội trú 2: Xong bê dầm sàn mái. Đài nước: xong bê tông móng. Khối hành chánh: xong bê tông móng; đắp cát tôn nền; đang gia công lắp dựng ván khuôn, cốt thép dầm sàn tầng trệt. Nhà cầu nổi khu điều trị nội trú 2: xong ép cọc. Khoa dược

– khoa quản lý chống nhiễm khuẩn: xong bê tông sàn mái và xây xong tường đầu hồi, đang xây tường trong nhà được 55%. Hồ nước: xong bê tông thành, nắp đai hồ nước. Hàng rào: thi công được 56%. Hệ thống thoát nước ngoài nhà: lắp đặt cống thoát nước được 75%. Hệ thống thoát nước bản: lắp đặt ống thoát được 50%. Bể nước thải: xong bê tông thành bể. Hệ thống điện ngoài nhà: đang đào mương cáp từ trạm vào tủ điện tổng. Khối nghiệp vụ kỹ thuật: xong bê tông cột lầu 1, lắp dựng xong ván khuôn dầm sàn lầu 2; đang lắp dựng cốt thép dầm sàn lầu 2 được 80%, xây tường tầng trệt được 60%. Khối điều trị nội trú 1: xong bê tông sàn mái, xây xong tường tầng trệt và tường lầu 1, đang lắp dựng ván khuôn cốt thép tầng kỹ thuật trên mái. Khoa cấp cứu – khoa phẫu thuật – khu khám đa khoa và điều trị ngoại trú: Đang đổ bê tông cột tầng trệt khu cấp cứu; Khu khám đa khoa đang đắp cát nền.

Tổng giá trị thực hiện: ước đạt 27.820 triệu/75.240 triệu, tương ứng 37,0% tổng giá trị hợp đồng.

**\* Công trình BVĐK tỉnh:**

- Phát hành HSMT gói quan trắc công trình đến 13 giờ ngày 22/7/2019 mở thầu.

- Phần đất được giải phóng mặt bằng đã bơm cát hoàn thiện; đang tiến hành bơm cát dự trữ, khối lượng san lấp tính đến ngày 03/7/2019 đạt khoản 109.300/131.525 m<sup>3</sup>, tương đương khoảng 84%; thi công lắp dựng hàng rào tạm được khoảng 690m/1.200m; Đang tiếp tục triển khai công tác làm đường tạm để phục vụ cho việc vận chuyển cọc và thiết bị ép cọc trong công trình.

- Tiếp tục chờ giải phóng mặt bằng các hộ dân còn lại và giải quyết bồi bao xung quanh khu đất còn 100m chưa triển khai được do dân cản trở và một số hộ dân còn cản trở không cho thi công.

Tổng giá trị thực hiện: ước đạt 14.500 triệu/926.259 triệu đồng, tương đương 1,56%.

**\* Hiện nay vẫn còn vướng mắc trên mặt bằng, cụ thể:**

+ Mặt bằng còn 08 hộ chưa thống nhất phương án bồi hoàn và Trường hợp Bà Nguyễn Thị Hồng Thủy đã nhận tiền bồi hoàn nhưng phần đất ở chưa thống nhất phương án bồi hoàn.

+ Một số hộ dân không cho thực hiện hàng rào tạm công trình trên khu đất của hộ dân.

+ Công tác triển khai làm đường tạm vận chuyển trong công trình vào ngày 12/6/2019 bị hộ dân Ông Nguyễn Văn Trí và Ông Thạch Chiết gây cản trở không cho thi công qua phần đất của hộ đã được đền bù (riêng Ông Thạch Chiết, ngày 20/6/2019 UBND Phường 7 đã tổ chức họp tiếp xúc và vận động hộ dân không cản trở thi công nhưng hộ dân yêu cầu bồi thường phần đất đã hiến để làm kênh nội đồng, khi nào giải quyết xong mới không cản trở thi công trên phần đất kênh), đã ảnh hưởng đến công tác triển khai ép cọc của khối nhà chính.

+ Dự án còn 1,34 ha của giai đoạn 2 thuộc xã Nguyệt Hóa chưa bồi thường được, theo báo cáo của Trung tâm tâm phát triển quỹ đất thì chưa thực hiện được do không phù hợp với Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 17/04/2017, địa điểm xây dựng của dự án là Phường 7, thành phố Trà Vinh, nhưng thực tế thì có một phần diện tích

thuộc xã Nguyệt Hóa, nên hiện đơn vị được UBND tỉnh Ủy thác Quản lý dự án đang nghiên cứu đề tham mưu cho Sở Y tế trình UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ xin bổ sung, điều chỉnh khoản 6, Điều 1, Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 17/04/2017 về địa điểm thực hiện dự án.

**\* Trạm Y tế xã Trường Thọ; Trạm Y tế xã Ngọc Biên và Trạm Y tế xã Đôn Châu:**

- Trạm Y tế xã Đôn Châu: Tiếp tục thi công hàng rào. Nhà làm việc chưa triển khai do Trung tâm Y tế huyện thanh lý công trình cũ chưa xong.

- Trạm Y tế xã Ngọc Biên: Tiếp tục thi công hàng rào. Nhà làm việc chưa triển khai do Trung tâm Y tế huyện thanh lý công trình cũ chưa xong. Đang thẩm tra hồ sơ phát sinh, điều chỉnh hàng rào, do Hàng rào phía sau cao đất dân, nên cần phải thực hiện điều chỉnh bổ sung như: tăng độ sâu chôn móng, xây tường chắn và bổ sung hệ thống móng neo tránh tường rào bị lật (giá trị phát sinh phần xử lý khoảng 22 triệu).

- Trạm Y tế xã Trường Thọ: Thi công hàng rào đạt 30%. Nhà làm việc chưa triển khai do Trung tâm Y tế huyện mới mở thầu đấu giá ngày 05/7/2019.

Tổng giá trị thực hiện: ước đạt khoảng 557 triệu/9.020 triệu đồng, tương đương 6,3% tổng giá trị hợp đồng xây lắp.

**\* Trạm Y tế xã Đại Phúc và Trạm Y tế xã Thanh Mỹ**

- Trạm Y tế xã Đại Phúc: Hàng rào: xong móng, đà kiềng và đang đổ bê tông. Nhà làm việc chưa triển khai do Trung tâm Y tế huyện thanh lý công trình cũ chưa xong.

- Trạm Y tế xã Thanh Mỹ: Đã dựng xong lán trại, đang tập kết vật liệu chuẩn bị triển khai thi công hàng rào và thử cừ tràm. Đang thẩm tra hồ sơ phát sinh, điều chỉnh hàng rào, do Hàng rào loại B cập phần kênh lòng kênh sâu so với mặt bằng hiện trạng và đất bờ kênh bị sạt lở, nên cần phải thực hiện điều chỉnh bổ sung như: tăng độ sâu chôn móng, xây tường chắn và bổ sung hệ thống móng neo tránh tường rào bị lật (giá trị phát sinh phần xử lý khoảng 63 triệu).

Tổng giá trị thực hiện: ước đạt khoảng 160 triệu/6.914 triệu đồng, tương đương 2,3% tổng giá trị hợp đồng xây lắp.

**\* Dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ tuyến y tế cơ sở” Dự án thành phần tỉnh Trà Vinh:** Tiếp tục chờ hướng dẫn từ Bộ Y tế và UBND tỉnh tạm ứng vốn để tổ chức đấu thầu thiết kế bước 2.

**\* Cải tạo, sửa chữa các cơ sở y tế tuyến tỉnh và tuyến huyện:** Tư vấn đang tiếp tục lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình.

**\* Dự án đầu tư Cung cấp trang thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh:** đang chờ gia hạn hiệp định vay.

**\* Dự án đầu tư trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản Nhi và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh:** đang trong giai đoạn thực hiện hợp đồng (nhà thầu đã giao thiết bị thuộc gói thầu số 06 cho BV sản Nhi được 11/13 thiết bị; gói thầu số 7 cho BV Đa khoa tỉnh đã lắp đặt xong phần cứng, cài đặt xong phần mềm và đã hướng dẫn vận hành cho đơn vị sử dụng.

### **3.2 Mua sắm Trang thiết bị y tế**

\* Dự án Mua sắm trang thiết bị y tế cho các đơn vị trực thuộc từ nguồn thu hồi các khoản chi năm trước: Đã thực hiện xong.

\* Dự án Mua sắm trang thiết bị y tế cho bệnh viện vệ tinh: Đã bàn giao xong.

\* Dự án mua sắm trang thiết bị cho BVĐK tỉnh: Trình cấp thẩm quyền xin điều chỉnh cắt giảm thiết bị.

### **4. Công tác Dược và đấu thầu thuốc, vật tư y tế**

Phát hành: Đình chỉ lưu hành và thu hồi mỹ phẩm: 08 trường hợp 57 sản phẩm; Công văn xử lý thuốc giả Saluboston. Triển khai: Thông tư 48/2018/TT-BYT của BYT; Công văn kết nối liên thông dữ liệu với hệ thống “ Cơ sở dữ liệu quốc gia” của Cục Quản lý Dược.

Cho phép hủy thuốc gây nghiện, hướng thần, tiền chất: 01 trường hợp 01 thuốc. Báo cáo giá thị trường về thuốc chữa bệnh cho người, giá dịch vụ y tế về Sở Tài chính tháng 6/2019.

Tổ chức Tập huấn thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP) cho các đơn vị trong tỉnh. Tổng hợp và công bố danh sách các đơn vị đạt thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP) cho các đơn vị trong tỉnh lên cổng thông tin điện tử của SYT.

\* *Đấu thầu:*

Tập huấn dự trù, báo cáo, điều tiết thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung quốc gia. Chấp thuận giảm giá thuốc: 01 trường hợp 01 sản phẩm. Thay đổi thông tin mặt hàng trúng thầu: 03 trường hợp 03 sản phẩm. Điều chuyển thuốc giữa các đơn vị: 17 trường hợp 38 sản phẩm.

Trình Sở Tài chính: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua vật tư tiêu hao, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro năm 2019 cho: BV ĐKKV Cầu Ngang và Dự toán cho TTYT huyện Cầu Kè; Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua vật tư chẩn thương chỉnh hình, hóa chất xét nghiệm, vật tư tiêu hao, hóa chất sinh phẩm chẩn đoán invitro năm 2019 cho BVĐK Trà Vinh; Dự toán mua vật tư mạch vành cho BVĐK Trà Vinh.

Trình UBND tỉnh: Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc 2019 cho BV Quân Dân Y và TTYT huyện Châu Thành; Trình xin chủ trương và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc sử dụng chờ đấu thầu năm 2019 cho BV Sản Nhi; TTYT huyện Duyên Hải; Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua vắc xin 2019 cho TTYT huyện Cầu Ngang.

Xây dựng và thẩm định Hồ sơ mời thầu mua thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2019-2020.

\* *Quản lý Trang thiết bị:* Điều chuyển trang thiết bị từ BV Quân Dân Y về BV ĐKKV Cầu Ngang (05 thiết bị), BV Lao và Bệnh Phôi (05 thiết bị).

### **5. Công tác thẩm định, cấp giấy về hành nghề y, dược**

Phát hành: 17 Quyết định thu hồi chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc; 02 Công văn trả lời cấp chứng chỉ hành nghề dược; 02 Thông báo trả lời duy trì chứng nhận “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc. Thẩm định Cấp chứng nhận đủ điều

kiện kinh doanh dược và GPP: 44 cơ sở. Hợp xét chứng chỉ hành nghề dược: 20 hồ sơ (18 đạt, 02 không đạt).

Cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh chữa bệnh: 58 hồ sơ; Bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ: 04 hồ sơ; Cấp Giấy phép hoạt động cơ sở khám bệnh chữa bệnh: 09 hồ sơ; Cấp giấy Đủ điều kiện an toàn tiêm chủng: 02 hồ sơ.

## **6. Công tác Thanh tra y tế**

a) *Thanh tra hành chính*: chưa thực hiện.

b) *Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành*:

+ Thanh tra, kiểm tra thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và tiền chất: Tổng số cơ sở được thanh, kiểm tra: 38 cơ sở; Kết quả có 01 cơ sở vi phạm; Nội dung vi phạm: bán lẻ thuốc khi giấy chứng nhận thực hành tốt đã hết thời hạn có hiệu lực; Xử lý 01 cơ sở vi phạm với hình thức phạt tiền, số tiền 3.000.000 đồng.

+ Thanh tra, kiểm tra hành nghề y: Tổng số cơ sở được thanh, kiểm tra :15 cơ sở; Kết quả không có cơ sở vi phạm.

c) *Công tác tiếp dân, xét giải quyết khiếu nại, tố cáo*: Không có người dân khiếu nại, tố cáo. Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

d) *Công tác phòng, chống tham nhũng*:

Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương: (không). Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng: (không). Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng: (không). Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng: (chưa thực hiện).

## **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

### **1. Thuận lợi:**

Các cấp ủy Đảng, chính quyền đã nhận thức sâu sắc, quán triệt đầy đủ trong quá trình điều hành và lãnh chỉ đạo, nhận thức rõ tầm quan trọng trong việc cần thiết phát triển hệ thống y tế cùng với tình hình phát triển chung về kinh tế xã hội của từng địa phương. Tổ chức xây dựng kế hoạch tăng cường công tác lãnh chỉ đạo việc củng cố, hoàn thiện hệ thống y tế cơ sở, ban hành các chủ trương ưu tiên chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt quan tâm đến sức khỏe vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, góp phần nâng cao đời sống nhân dân.

Mạng lưới khám chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến cơ sở công lập/ngoài công lập được mở rộng và củng cố. Công tác đào tạo cán bộ có quan tâm, đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế và cung cấp dịch vụ y tế đa dạng và chất lượng tốt hơn. Các cơ sở y tế từ Bệnh viện đến Trạm Y tế có đủ thuốc theo danh mục và phù hợp với phân tuyến kỹ thuật quy định của Bộ Y tế.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý y tế, công tác chuyên môn, quản lý bệnh viện, ứng dụng phần mềm trong trao đổi thông tin và phát triển ổn định trang Thông tin điện tử của ngành.

Công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm được tăng cường; đồng thời trong quá trình thanh, kiểm tra có lồng ghép công tác tuyên truyền giáo dục và hướng dẫn cụ thể cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống về kiến thức pháp luật trong lĩnh vực an toàn thực phẩm để nâng cao nhận thức đến các cơ sở. Nhìn chung các cơ sở sản xuất và cơ sở kinh doanh được kiểm tra có chấp hành tốt các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm như: điều kiện cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ...

Công tác kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc trên địa bàn được tăng cường; kịp thời phát hiện các mẫu tân dược, dược liệu, mỹ phẩm không đạt lưu hành trên thị trường và gửi công văn về Cục Quản lý Dược, Cục Quản lý Y Dược cổ truyền để ngăn chặn việc lưu hành mẫu không đạt.

Cơ sở hạ tầng, nhân lực, phương tiện, ngân sách cho y tế dự phòng được tăng cường đầu tư. Mạng lưới y tế dự phòng rộng khắp từ tuyến tỉnh đến ấp/khóm, hoạt động phòng, chống được tăng cường, phát hiện và khống chế dập dịch kịp thời. Các bệnh: Cúm A (H5N1, H7N9, H1N1), bệnh do vi rút Zika, bệnh Sốt rét, Liên cầu lợn, Viêm não Nhật Bản không ghi nhận trường hợp mắc bệnh trên địa bàn tỉnh.

## **2. Tồn tại, hạn chế:**

Tình hình các bệnh truyền nhiễm đang có chiều hướng tăng cao như: Sốt xuất huyết, Tay chân miệng và Sốt phát ban nghi Sởi, trong đó đáng chú ý tăng cao nhất là bệnh Sốt xuất huyết.

## **B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 8 NĂM 2019**

Tập trung thực hiện các hoạt động chuyên môn để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch vào cuối năm 2019, thực hiện báo cáo đúng thời gian quy định. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, không để hồ sơ trễ hạn. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm các quy định, chỉ đạo của cấp trên; thực hiện các hoạt động cải thiện cơ sở khám chữa bệnh, mua sắm trang thiết bị y tế, thiết bị văn phòng để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Cụ thể:

### **1. Công tác Kiểm soát bệnh tật**

*1.1 Hoạt động Phòng, chống dịch:* Chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục duy trì các công tác giám sát, phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm, khống chế không để lây lan, bùng phát thành dịch. Thực hiện báo cáo bệnh truyền nhiễm theo Thông tư 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm. Giám sát ca bệnh. Thực hiện lấy mẫu các bệnh truyền nhiễm và xử lý dịch tễ tại các huyện, thị xã, thành phố.

Các địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền kiến thức về phòng, chống Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, Sởi tại các xã, phường, thị trấn. Chủ động giám sát ca bệnh, lấy mẫu bệnh phẩm chuyển gửi xét nghiệm đúng quy định và xây dựng biểu đồ dự báo dịch, xử lý triệt để các ổ dịch. Triển khai chiến dịch diệt lăng

quảng/dập dịch diện rộng/phun hóa chất chủ động diện rộng tại các điểm nóng (nếu có).

1.2. *Hoạt động Tiêm chủng mở rộng*: Giám sát, lấy mẫu các bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng mở rộng tại các TTYT huyện, thị xã, thành phố và Bệnh viện Sản Nhi. Giám sát buổi tiêm chủng mở rộng tại các huyện, thị xã, thành phố. Chỉ đạo các TTYT huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác tiêm chủng mở rộng. Thực hiện hậu kiểm các cơ sở tiêm chủng trên địa bàn tỉnh.

1.3. *Hoạt động Phòng, chống Sốt xuất huyết*: Giám sát huyết thanh, ca bệnh và xử lý ổ dịch tại TYT xã, phường, thị trấn. Giám sát côn trùng thường xuyên tại xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú và thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần.

1.4. *Hoạt động Phòng, chống Sốt rét*: TT.KSBT phân phối thuốc, vật tư và hoá chất Sốt rét năm 2019 cho tuyến huyện. Lập kế hoạch giám sát hoạt động phòng, chống Sốt rét 6 tháng đầu năm 2019.

1.5. *Hoạt động Phòng, chống Phong, Da liễu, Hoa liễu, bệnh lây truyền qua đường tình dục*: Báo cáo hoạt động phòng, chống Phong, Da liễu 6 tháng về Bệnh viện da liễu Trung ương, Bệnh viện da liễu TP. HCM. Tổ chức khám phát hiện bệnh nhân.

1.6. *Hoạt động Chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp*: Quan trắc và trả lời kết quả quan trắc môi trường lao động cho các cơ sở sản xuất, cơ sở y tế. Khám và trả lời kết quả bệnh nghề nghiệp.

1.7. *Hoạt động Sức khỏe môi trường - Y tế trường học*: Khám và điều trị răng miệng cho bệnh nhân tại TT. Kiểm soát bệnh tật. Kiểm tra vệ sinh và lấy mẫu nước tại các cơ sở cung cấp nước tập trung (hợp đồng và ngoại kiểm). Tổ chức hội nghị triển khai Kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2019. Tổ chức tập huấn công tác quản lý chất thải y tế. Triển khai các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động vì môi trường năm 2019. Hướng dẫn, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải y tế theo mô hình Cụm cơ sở y tế.

1.8. *Hoạt động Phòng, chống Đái tháo đường và rối loạn do thiếu hụt I ốt*: Khám và siêu âm bướu cổ tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

1.9. *Hoạt động Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em*: Tổng hợp, thống kê mạng lưới dinh dưỡng. Lập kế hoạch thực hiện chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học năm học 2019-2020.

1.10. *Hoạt động Phòng, chống bệnh Tim mạch, Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi*: Giám sát hoạt động lồng ghép Tăng huyết áp và Đái tháo đường tại xã điểm Hòa Lợi huyện Châu Thành. Tổ chức tập huấn chẩn đoán và điều trị Tăng huyết áp. Thành lập Câu lạc bộ phòng chống bệnh Tim mạch.

1.11. *Hoạt động Bảo vệ sức khỏe Tâm thần*: Tổ chức khám và điều trị cho bệnh nhân. Tổ chức tập huấn khám sàng lọc bệnh tâm thần.

1.12. *Hoạt động Phòng, chống Lao*: Hoạt động khám, phát hiện điều trị nội, ngoại trú tại bệnh viện. Tăng cường tư vấn, xét nghiệm Lao/HIV. Kiểm tra, giám sát Chương trình chống Lao quốc gia. Tổ chức giao ban Lao/HIV quý II/2019. Tham dự tập huấn Lao kháng thuốc tại TP. Cần Thơ.

1.13. *Hoạt động Phòng, chống bệnh Phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản (BPTNMT&HPQ)*: Tổ chức khám phát hiện và điều trị cho bệnh nhân.

1.14. *Hoạt động phòng, chống HIV/AIDS*: Khám bệnh, tư vấn và cấp phát thuốc điều trị thay thế nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone. Tư vấn xét nghiệm HIV tại Phòng Tư vấn xét nghiệm HIV, tại Trại giam, Trại tạm giam và tại cộng đồng. Giám sát các trường hợp nhiễm HIV/AIDS/TV từ tỉnh đến huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn, kết hợp với chuyển gửi đến các Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS để đăng ký điều trị ARV. Kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống HIV/AIDS 6 tháng đầu năm 2019 tại Bệnh viện ĐKKV Cầu Ngang, Bệnh viện ĐKKV Tiểu Cần, Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải. Lập kế hoạch tổ chức 02 lớp tập huấn tư vấn và xét nghiệm HIV cho tuyến tỉnh, huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh. Tổ chức 01 lớp tập huấn cho nhân viên tiếp cận cộng đồng. Xây dựng kế hoạch xét nghiệm tải lượng vi rút trong điều trị HIV/AIDS. Lập kế hoạch tổ chức họp giao ban HIV/Lao 06 tháng đầu năm 2019. Tổng hợp báo cáo tình hình dịch HIV/AIDS/TV tháng 06/2019 gửi Viện Pasteur TP.HCM và Cục Phòng chống HIV/AIDS.

1.15. *Hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản*: Thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người dân.

1.16. *Hoạt động Truyền thông y tế*: Duyệt tin, bài bài tờ tin số 05. Thu nhận tin, bài Trang tin điện tử tháng 7/2019. Chấm và trả nhuận bút Trang tin điện tử tháng 6/2019. Tổ chức xe loa tuyên truyền phòng, chống bệnh Sởi - Rubella. Chỉ đạo tuyến truyền thông Sởi - Rubella. Giám sát hoạt động Truyền thông - giáo dục sức khỏe quý II các TTYT huyện, thị xã và thành phố. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình phát mẫu tuyên truyền. Phối hợp với Báo Trà Vinh đăng bài tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh. Khảo sát việc sửa chữa panô tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh các huyện, thị xã và thành phố. Lập kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng truyền thông và viết tin, bài.

1.17. *Hoạt động Phòng khám đa khoa*: Thực hiện khám, điều trị bệnh nhân tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Khám bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe định kỳ. Tổ chức tiêm chủng dịch vụ.

1.18. *Hoạt động Xét nghiệm*: Thực hiện các chỉ tiêu xét nghiệm thường quy. Thực hiện ngoại kiểm tra Sinh hóa - Huyết học lần 7/2019 với Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm Tp.HCM. Trục tư vấn, xét nghiệm HIV và Morphin/Heroin tại cơ sở điều trị Methadone. Thực hiện lấy mẫu máu xét nghiệm HIV cho các đối tượng có nguy cơ cao tại Trại giam Bến Giá, Trại giam tỉnh, thành phố và Trung tâm tư vấn và điều trị cai nghiện ma túy Châu Thành. Nhận và thực hiện mẫu xét nghiệm Mac Elisa tìm IgM trong giám sát huyết thanh và gửi mẫu sốt phát ban, phân lập vi rút Dengue về Viện Pasteur phân tích. Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động xét nghiệm ký sinh trùng Sốt rét các điểm kính hiển vi cơ sở TTYT huyện, thị, thành phố trên địa bàn tỉnh.

## **2. Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGĐ)**

Xây dựng kế hoạch tổ chức nói chuyện chuyên đề về Mất cân bằng giới tính khi sinh năm 2019. Trình UBND tỉnh kiện toàn Ban chỉ đạo công tác Dân số -



KHHGD. Treo băng rôn hưởng ứng kỷ niệm ngày Dân số thế giới 11/7 trên các trục lộ chính của Thành phố Trà Vinh. Tiếp tục theo dõi hoạt động truyền thông huyện, thị xã, thành phố hưởng ứng ngày Dân số thế giới 11/7. Tiếp tục hỗ trợ cài đặt phần mềm MIS2019H tại các huyện. Phân phối mẫu giấy thăm lấy máu gót chân cho các Bệnh viện và Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố. Lập kế hoạch nói chuyện chuyên đề về sàng lọc trước sinh, sơ sinh năm 2019. Lập kế hoạch nói chuyện chuyên đề về mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân năm 2019.

### **3. Công tác An toàn thực phẩm**

Tiếp tục thực hiện thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm/nhóm sản phẩm thuộc ngành Y tế quản lý năm 2019. Thanh tra, kiểm tra đột xuất các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn tỉnh Trà Vinh khi có yêu cầu hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm.

Đăng tải, công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng (công thông tin điện tử Sở Y tế) đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ăn uống có hành vi vi phạm về ATTP đúng theo quy định của pháp luật.

Thẩm định và cấp giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP. Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm; Tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm; Xác nhận nội dung quảng cáo.

### **4. Công tác Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm**

Kiểm tra, lấy mẫu các nhà thuốc, đại lý tại thành phố Trà Vinh, các huyện trên địa bàn tỉnh và Công ty cổ phần Dược phẩm TV.Pharm. Thực hiện kiểm nghiệm chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm.

### **5. Công tác Khám, chữa bệnh**

Tăng cường công tác giáo dục cán bộ trong các đơn vị về tinh thần và thái độ phục vụ, không được phân biệt đối xử với người bệnh, tuyên truyền thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh, gắn với xây dựng cơ sở y tế xanh sạch đẹp trong ngành y tế. Thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế chuyên môn, công tác thường trực cấp cứu, tích cực triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác khám bệnh, chữa bệnh. Cải thiện cơ sở khám chữa bệnh, mua sắm trang thiết bị y tế, thiết bị văn phòng và triển khai các kỹ thuật mới góp phần nâng cao chất lượng khám bệnh và chữa bệnh. Thường trực đường dây nóng tiếp nhận, giải đáp thắc mắc, phản ánh của người dân về lĩnh vực y tế.

Thực hiện kế hoạch Triển khai thực hiện Dự án Quân Dân Y kết hợp (dự án 7) thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2019 tại tỉnh Trà Vinh. Thực hiện kế hoạch Triển khai thực hiện Đề án phát triển Y tế biển, đảo Việt Nam đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

### **6. Công tác Tổ chức cán bộ - Hành chính**

Ban hành: Công văn cho Chi cục ATVSTP và CC DS-KHHGD v/v thực hiện sắp xếp phòng chuyên môn của Chi cục báo cáo về SYT; Công văn v/v mở lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp viên chức y tế hạng II tại tỉnh gửi đến Trường ĐHYD Cần Thơ; Công văn về việc phúc đáp cử viên chức tham dự tuyển đầu vào sau đại học khi đã có ý kiến thống nhất của SNV; Công văn về việc trả lời đơn của

Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu cho Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Trà Vinh; Công văn thông báo v/v xét kỹ niệm chương vì “sức khỏe nhân dân” năm 2019 đến các Sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị trực thuộc SYT.

Thông báo phổ biến Thông tư số 12/2019/TT-BYT ngày 28/6/2019 V/v bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành đến các phòng chức năng thuộc SYT biết để thực hiện. Thông báo về việc tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ đến các đơn vị trực thuộc. Thông báo về việc thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm của Bệnh viện ĐKKV Tiểu Cần lên 270 giường bệnh và gửi đến các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến đóng góp, hoàn chỉnh trình SNV thẩm định. Chỉ đạo Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải xây dựng Đề án đơn vị thực hiện hai chức năng sau khi dự án xây dựng Bệnh viện huyện Duyên Hải hoàn thành đưa vào sử dụng, trình Sở Nội Vụ thẩm định.

Thực hiện việc quy trình bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế. Tham gia giám sát Hội đồng tuyển dụng viên chức của BVĐK Trà Vinh và BVĐKKV Cầu Ngang. Trình UBND tỉnh công bố quy trình Nội bộ. Thực hiện việc phân công các bác sĩ mới ra trường năm 2019.

Lập Đề án sáp nhập PK ĐKKV vào Trạm Y tế xã Hòa Minh huyện Châu Thành.

## **7. Công tác Kế hoạch - Tài chính, Xây dựng cơ bản, Mua sắm trang thiết bị y tế**

Trình Sở Tài chính thẩm định và phê duyệt dự toán, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

Tổ chức đấu thầu các gói thầu mua sắm thuộc Dự án Mua sắm trang thiết bị cho các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện. Tổ chức đấu thầu mua sắm trang thiết bị thông dụng và y tế thuộc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Đầu tư xây dựng 3 trạm y tế xã đặc biệt khó khăn và khó khăn tỉnh Trà Vinh (Đôn Châu huyện Duyên Hải, Ngọc Biên huyện Trà Cú và Trường Thọ huyện Cầu Ngang) và công trình đầu tư xây dựng Trạm Y tế xã Đại Phúc, huyện Càng Long và Trạm Y tế xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành.

Báo cáo tình hình thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành định kỳ 6 tháng đầu năm 2019. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu năm 2019 (nguồn trái phiếu chính phủ). Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019 và xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2020. Kiểm tra thương thảo hợp đồng, hợp đồng gói thầu số 24: Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh cắt giảm, bổ sung danh mục trang thiết bị thuộc Dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải.

Thanh toán công nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản sau quyết toán dự án hoàn thành (10 dự án): Cải tạo TTCS SK Sinh Sản; Cải tạo TTYT Dự phòng tỉnh Trà Vinh; Trạm Y tế thị trấn Long Thành; Trạm y tế xã Long Khánh; Hỗ trợ xử lý nước thải BVĐK tỉnh Trà Vinh; Hỗ trợ xử lý nước thải BVĐK khu vực Cầu Ngang; Hỗ trợ xử lý nước thải BVĐK khu vực Tiểu Cần; Hỗ trợ xử lý nước thải BV Sản

Nhi tỉnh Trà Vinh Bổ sung Trang thiết bị cho Bệnh viện Y dược Cổ Truyền tỉnh Trà Vinh; Mua sắm trang thiết bị y tế cho bệnh viện Chuyên khoa Sản Nhi tỉnh Trà Vinh)

Lập thủ tục tất toán, đóng dự án Hỗ trợ xử lý nước thải BVĐK tỉnh Trà Vinh; Hỗ trợ xử lý nước thải BVĐK khu vực Cầu Ngang; Hỗ trợ xử lý nước thải BV ĐKKV Tiểu Cần; Hỗ trợ xử lý nước thải BV Sản Nhi tỉnh Trà Vinh.

### **8. Công tác Dược và đấu thầu thuốc, vật tư y tế**

Tổ chức mở thầu và xét thầu các gói thầu mua thuốc thuộc danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2019-2020. Tiếp tục thẩm định và trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, vật tư tiêu hao, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro cho các đơn vị còn lại trên địa bàn tỉnh. Thẩm định cấp Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược.

### **9. Công tác thẩm định, cấp giấy về hành nghề y, dược**

Xét hồ sơ và thẩm định cấp Chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và các thủ tục hành chính khác liên quan đến hành nghề y theo đúng quy trình thủ tục hành chính đã công bố; Xét hồ sơ tổ chức khám bệnh, cấp thuốc miễn phí. Đăng tải công khai hồ sơ chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

Thẩm định cơ sở hành nghề dược; Cấp Chứng chỉ hành nghề dược; Cấp giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc; Cấp giấy Hội thảo giới thiệu thuốc.


### **10. Công tác Thanh tra y tế**

Thanh tra, kiểm tra hành nghề khám, chữa bệnh; thuốc, mỹ phẩm và trang thiết bị y tế; thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm an toàn thực phẩm. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đúng theo luật định.

Trên đây là báo cáo công tác y tế tháng 7 và kế hoạch công tác tháng 8 năm 2019 của Sở Y tế tỉnh Trà Vinh./.

#### **Nơi nhận:**

- VP. Tỉnh ủy; BTG.TU (phòng Khoa giáo) (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch & Đầu tư; Cục Thống kê tỉnh (b/c);
- Đảng ủy Sở Y tế;
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Các phòng CMNV Sở Y tế;
- Công đoàn Ngành Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NVY.

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Cao Mỹ Phượng**



## PHỤ LỤC 1: TÌNH HÌNH BỆNH TRUYỀN NHIỄM TẠI CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số: 276/BC-SYT, ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Sở Y tế tỉnh Trà Vinh)

| Stt      | Bệnh truyền nhiễm                 | Toàn tỉnh    | Trong đó, tại các huyện, thị xã, thành phố |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  | Ghi chú |
|----------|-----------------------------------|--------------|--|-----------------|--------------|----------------|------------------|--------------|-----------------|-----------------|------------------|---------|
|          |                                   |              | TP. Trà Vinh                               | Huyện Càng Long | Huyện Cầu Kè | Huyện Tiểu Cần | Huyện Châu Thành | Huyện Trà Cú | Huyện Cầu Ngang | Huyện Duyên Hải | Thị xã Duyên Hải |         |
| <b>1</b> | <b>Bệnh Sốt xuất huyết</b>        |              |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | - Số ca mắc:                      |              |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | + Mắc mới trong tháng             | <b>219</b>   | 24   | 18              | 27           | 22             | 21               | 30           | 39              | 29              | 9                |         |
|          | + Số ca mắc bổ sung               | <b>0</b>     | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Cộng dồn từ đầu năm             | <b>1.016</b> | 85   | 82              | 66           | 81             | 129              | 275          | 126             | 145             | 27               |         |
|          | - Số ca tử vong:                  |              |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | + Ca tử vong trong tháng          | <b>0</b>     | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Ca tử vong bổ sung              | <b>0</b>     | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Cộng dồn từ đầu năm             | <b>0</b>     | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
| <b>2</b> | <b>Bệnh Tay chân miệng</b>        |              |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | - Số ca mắc:                      |              |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | + Mắc mới trong tháng             | <b>26</b>    | 2  | 1               | 8            | 5              | 2                | 3            | 3               | 2               | 0                |         |
|          | + Số ca mắc bổ sung               | <b>0</b>     | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Cộng dồn từ đầu năm             | <b>185</b>   | 28   | 33              | 21           | 21             | 33               | 23           | 11              | 8               | 7                |         |
|          | - Số ca tử vong:                  |              |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | + Ca tử vong trong tháng          | <b>0</b>     | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Ca tử vong bổ sung              | <b>0</b>     | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Cộng dồn từ đầu năm             | <b>0</b>     | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
| <b>3</b> | <b>Bệnh Sốt phát ban nghi Sởi</b> |              |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | - Số ca mắc:                      |              |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | + Mắc mới trong tháng             | <b>14</b>    | 2  | 3               | 3            | 1              | 1                | 4            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Số ca mắc bổ sung               | <b>0</b>     | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Cộng dồn từ đầu năm             | <b>94</b>    | 9  | 9               | 12           | 5              | 7                | 37           | 1               | 14              | 0                |         |
|          | Tr.đó: Số ca dương tính Sởi       | <b>7</b>     | 1  | 1               | 0            | 0              | 2                | 2            | 0               | 1               | 0                |         |

| Stt      | Bệnh truyền nhiễm        | Toàn tỉnh | Trong đó, tại các huyện, thị xã, thành phố |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  | Ghi chú |
|----------|--------------------------|-----------|--|-----------------|--------------|----------------|------------------|--------------|-----------------|-----------------|------------------|---------|
|          |                          |           | TP. Trà Vinh                               | Huyện Càng Long | Huyện Cầu Kè | Huyện Tiểu Cần | Huyện Châu Thành | Huyện Trà Cú | Huyện Cầu Ngang | Huyện Duyên Hải | Thị xã Duyên Hải |         |
|          | <b>- Số ca tử vong:</b>  |           |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | + Ca tử vong trong tháng | 0         | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Ca tử vong bổ sung     | 0         | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Cộng dồn từ đầu năm    | 0         | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
| <b>4</b> | <b>Bệnh Ho gà</b>        |           |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | <b>- Số ca mắc:</b>      |           |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | + Mắc mới trong tháng    | 1         | 0  | 1               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Số ca mắc bổ sung      | 0         | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Cộng dồn từ đầu năm    | 3         | 0  | 1               | 1            | 0              | 1                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | <b>- Số ca tử vong:</b>  |           |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | + Ca tử vong trong tháng | 0         | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Ca tử vong bổ sung     | 0         | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Cộng dồn từ đầu năm    | 0         | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
| <b>5</b> | <b>Bệnh Quai bị</b>      |           |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | <b>- Số ca mắc:</b>      |           |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | + Mắc mới trong tháng    | 4         | 1  | 2               | 1            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Số ca mắc bổ sung      | 0         | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Cộng dồn từ đầu năm    | 58        | 1  | 2               | 2            | 21             | 27               | 2            | 1               | 0               | 2                |         |
|          | <b>- Số ca tử vong:</b>  |           |  |                 |              |                |                  |              |                 |                 |                  |         |
|          | + Ca tử vong trong tháng | 0         | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Ca tử vong bổ sung     | 0         | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |
|          | + Cộng dồn từ đầu năm    | 0         | 0  | 0               | 0            | 0              | 0                | 0            | 0               | 0               | 0                |         |



**PHỤ LỤC 2: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG  
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

*(Kèm theo Báo cáo số: 276/BC-SYT, ngày 19 tháng 7 năm 2019  
của Sở Y tế tỉnh Trà Vinh)*

**Bảng 1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Tiêm chủng mở rộng (tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/6/2019)**

| TT | Nội dung hoạt động                                      | ĐVT | Kế hoạch             | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|---|-----|----------------------|-----------|----------|----------|
| 1  | Số trẻ <01 tuổi tiêm chủng đủ liều                      | %   | > 95<br>(15.560 trẻ) | 651       | 5.296    | 34       |
| 2  | Số trẻ sơ sinh tiêm vắc xin Viêm gan B                  | %   | ≥ 75<br>(15.560 trẻ) | 453       | 5.088    | 32,7     |
| 3  | Tiêm ngừa uốn ván (VAT 2+) cho phụ nữ có thai           | %   | > 85<br>(15.560 PN)  | 1.152     | 5.784    | 37,2     |
| 4  | Số trẻ 13 đến 36 tháng tiêm vắc xin Viêm não Nhật Bản B | %   | ≥ 90<br>(31.551 trẻ) |           |          |          |
|    | - Viêm não Nhật Bản B mũi 2                             | Trẻ | 17.037               | 1.075     | 7.014    | 41,2     |
|    | - Viêm não Nhật Bản B mũi 3                             | Trẻ | 15.541               | 1.243     | 6.749    | 43,4     |
| 5  | Tiêm nhắc vắc xin DPT                                   | %   | > 80<br>(17.004 trẻ) | 1.319     | 7.360    | 43,3     |
| 6  | Tiêm Sởi - Rubella                                      | %   | > 95<br>(17.004 trẻ) | 1.153     | 7.328    | 43,1     |

**Bảng 2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Phòng, chống Sốt xuất huyết (tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/6/2019)**

| TT | Nội dung hoạt động   | ĐVT | Kế hoạch | Thực hiện        | Cộng dồn                        | Đạt % KH |
|----|--|-----|----------|------------------|---------------------------------|----------|
| 1  | Khống chế tỷ lệ mắc/100.000 dân                                  | ca  | <150     | 20,8             | 96,6                            | Đạt      |
| 2  | Khống chế tỷ lệ chết/mắc do Sốt xuất huyết                       | %   | <0,09    | 0                | 0                               | Đạt      |
| 3  | Số BN nghi ngờ SXHD được chẩn đoán bằng XN huyết thanh (100 mẫu) | %   | 7%       | 16 mẫu<br>(7,3%) | 80 mẫu<br>(BS 41 mẫu)<br>(7,9%) | Đạt      |
| 4  | Số BN nghi ngờ SXHD được phân lập vi rút (50 mẫu)                | %   | 3%       | 05 mẫu<br>(2,3%) | 64 mẫu<br>(BS 35 mẫu)<br>(6,3%) | Đạt      |
| 5  | Tỷ lệ chết/mắc SXHD nặng   | %   | <1       | 0                | 0                               | Đạt      |

| TT | Nội dung hoạt động                                      | ĐVT  | Kế hoạch                  | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|---|------|---------------------------|-----------|----------|----------|
| 6  | Tỉnh có điểm giám sát côn trùng thường xuyên hàng tháng | Điểm | 02<br>(Tỉnh 02 điểm)      | 02        | 02       | Đạt      |
|    | Huyện/Tp/Tx có điểm giám sát vector thường xuyên        | Xã   | 01<br>(Mỗi huyện 01 điểm) | 09        | 09       | Đạt      |
| 7  | Tỷ lệ ô dịch được xử lý triệt để                        | %    | ≥90                       | 100       | 100      | Đạt      |

**Bảng 3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Phòng, chống Sốt rét (tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/6/2019)**

| TT | Nội dung hoạt động  | ĐVT    | Kế hoạch         | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|---|--------|------------------|-----------|----------|----------|
| 1  | Tỷ lệ bệnh nhân sốt rét/1.000 dân   | /1.000 | 0,025<br>(25 ca) | 0         | 0        | Đạt      |
| 2  | Dịch sốt rét  | Dịch   | 0                | 0         | 0        | Đạt      |
| 3  | Sốt rét ác tính   | Người  | 0                | 0         | 0        | Đạt      |
| 4  | Tử vong do sốt rét  | Người  | 0                | 0         | 0        | Đạt      |
| 5  | Số lam xét nghiệm   | Lam    | 5.000            | 774       | 2631     | 52,6     |
| 6  | Số lượt người được điều trị sốt rét   | Lượt   | 300              | 14        | 27       | 9        |
|    | - Điều trị bệnh   | Lượt   | 25               | 0         | 0        | 0        |
|    | - Cấp tự điều trị   | Lượt   | 275              | 14        | 27       | 9,8      |
| 7  | Đào tạo và đào tạo lại xét nghiệm tìm KST Sốt rét cho cán bộ điểm kính hiển vi trên toàn tỉnh | Lớp    | 01               | 0         | 0        | 0        |
| 8  | Bảo vệ bằng hoá chất: Phun thuốc  | người  | 10.800           | 0         | 0        | 0        |

**Bảng 4. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Phòng, chống bệnh Phong, Da liễu, Hoa liễu (tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/6/2019)**

**1. Hoạt động phòng, chống bệnh Phong**

| TT | Nội dung hoạt động                               | Đơn vị tính | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|--|-------------|----------|-----------|----------|----------|
| 1  | Tổng số bệnh nhân Phong quản lý                  | Người       | 135      | 130       | 134      | 99       |
| 2  | Số bệnh nhân mới được phát hiện                  | Người       | 02       | 00        | 00       | 00       |
| 3  | Số bệnh nhân Phong mới phát hiện bị tàn tật độ 2 | %           | ≤15      | 00        | 00       | 00       |

| TT | Nội dung hoạt động                            | Đơn vị tính | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|---|-------------|----------|-----------|----------|----------|
| 4  | Số bệnh nhân đa hóa trị liệu trong năm        | Người       | 03       | 00        | 02       | 67       |
| 5  | Bệnh nhân hoàn thành điều trị                 | Người       | 02       | 00        | 01       | 50       |
| 6  | Số bệnh nhân được chăm sóc tàn tật            | Người       | 131      | 128       | 131      | 100      |
| 7  | Số bệnh nhân được điều trị lỗ đáo:            | Người       | 15       | 07        | 22       | 146,7    |
|    | - Không viêm xương                            | Người       | 10       | 06        | 16       | 160      |
|    | - Có viêm xương                               | Người       | 5        | 01        | 06       | 120      |
| 8  | Tổng số lam xét nghiệm Phong                  | Lam         | 20       | 01        | 14       | 70       |
| 9  | Tập huấn cho cán bộ chuyên trách tuyến xã     | Lớp         | 02       | 00        | 00       | 00       |
| 10 | Tổ chức hoạt động giám sát tuyến cơ sở        | Cuộc        | 02       | 00        | 01       | 50       |
| 11 | Truyền thông kiến thức Phong trong nhà trường | Lần         | 04       | 00        | 02       | 50       |

**2. Hoạt động phòng, chống bệnh Da liễu**

| TT | Nội dung hoạt động      | ĐVT  | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt %KH |
|----|-------------------------|------|----------|-----------|----------|---------|
| 1  | Số lượt người khám bệnh | Lượt | 6.000    | 687       | 4.361    | 72,7    |
| 2  | Xét nghiệm da, vi nấm   | Lam  | 50       | 01        | 35       | 70      |

**3. Hoạt động phòng, chống bệnh lây truyền qua đường tình dục (STI)**

| TT | Nội dung hoạt động   | ĐVT   | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|--|-------|----------|-----------|----------|----------|
| 1  | Số lượt người khám bệnh lây truyền qua đường tình dục          | Lượt  | 8.950    | 910       | 5.579    | 62,3     |
| 2  | Số bệnh nhân được phát hiện bệnh lây truyền qua đường tình dục | Người | 1.710    | 303       | 1.882    | 110      |
| 3  | Số bệnh nhân được quản lý điều trị                             | Người | 1.710    | 303       | 1.882    | 110      |
| 4  | Bệnh lậu   | Ca    | 04       | 0         | 06       | 150      |
| 5  | Bệnh giang mai   | Ca    | 01       | 0         | 04       | 400      |

**Bảng 5. Kết quả thực hiện Chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp (tính từ ngày 05/6/2019 đến ngày 04/7/2019)**

| TT       | Nội dung                             | Đơn vị tính | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----------|--------------------------------------|-------------|----------|-----------|----------|----------|
| <b>1</b> | <b>Quan trắc môi trường lao động</b> |             |          |           |          |          |
| 1.1      | - Vi khí hậu                         |             |          |           |          |          |
|          | + Nhiệt độ                           | Mẫu         | 2.500    | 563       | 1.925    | 77       |



| TT       | Nội dung  | Đơn vị tính | Kế hoạch       | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----------|---|-------------|----------------|-----------|----------|----------|
|          | + Độ ẩm   | Mẫu         | 2.500          | 563       | 1.925    | 77       |
|          | + Tốc độ gió  | Mẫu         | 2.500          | 563       | 1.925    | 77       |
| 1.2      | - Ánh sáng  | Mẫu         | 2.500          | 613       | 1.975    | 79       |
| 1.3      | - Bụi trọng lượng   | Mẫu         | 1.000          | 216       | 756      | 75,6     |
| 1.4      | - Tiếng ồn  | Mẫu         | 1.200          | 234       | 1.056    | 88       |
|          | + Tiếng ồn chung  | Mẫu         | -              | 224       | 990      | -        |
|          | + Tiếng ồn phân tích dải tần  | Mẫu         | -              | 10        | 66       | -        |
| 1.5      | - Ergonomics  | Mẫu         | 300            | 147       | 336      | 112      |
| 1.6      | - Hơi khí độc   | Mẫu         | 300            | 105       | 552      | 184      |
| <b>2</b> | <b>Tuyên truyền, huấn luyện</b>   |             |                |           |          |          |
| 2.1      | Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động  | Lớp         | 02             | 00        | 00       | 00       |
| 2.2      | Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ về y tế lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động tại nơi làm việc.  | Lớp         | 06             | 00        | 00       | 00       |
| 2.3      | Truyền thông, giáo dục và tư vấn về vệ sinh lao động  | Cuộc        | 01             | 00        | 00       | 00       |
| 2.4      | Tổ chức tập huấn đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động cho nhân viên Y tế   | Lớp         | 02             | 00        | 00       | 00       |
| <b>3</b> | <b>Hoạt động kiểm tra, giám sát</b>   |             |                |           |          |          |
| 3.1      | Kiểm tra vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp tại cơ sở y tế  | Cơ sở       | 15             | 00        | 00       | 00       |
| 3.2      | Kiểm tra vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp tại cơ sở sản xuất  | Cơ sở       | 36             | 00        | 00       | 00       |
|          | <b>Công tác phối hợp</b>  |             |                |           |          |          |
| 3.3      | Tham gia, hỗ trợ các cơ quan chức năng liên quan kiểm tra việc tuân thủ pháp luật lao động tại các cơ sở sản xuất, cơ sở y tế khi có yêu cầu                                      | Cơ sở       | -              | 00        | 00       | -        |
| 3.4      | Phát hành văn bản chỉ đạo tuyên truyền đến các cơ sở sản xuất, cơ sở y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe trước khi bố trí việc làm, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp | Lượt        | 01             | 00        | 00       | 00       |
| 3.5      | Tham gia điều tra tai nạn lao động, nhiễm độc hoá chất (khi có yêu cầu)   | Cơ sở       | Khi có yêu cầu | 00        | 00       | 00       |

**Bảng 6. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Sức khỏe môi trường – Y tế trường học (tính từ 05/6/2019 đến 04/7/2019)**

| TT       | Nội dung hoạt động   | Đơn vị tính | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----------|--|-------------|----------|-----------|----------|----------|
| <b>I</b> | <b>Hoạt động sức khỏe môi trường</b>   |             |          |           |          |          |
| 1        | Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế huyện tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng nước (ngoại kiểm) tại các cơ sở cung cấp nước có công suất trên 1.000m <sup>3</sup> /ngày đêm                                   | Lượt        | 18       | 00        | 09       | 50       |
| 2        | Số cơ sở cung cấp nước có công suất trên 1.000m <sup>3</sup> /ngày đêm được kiểm tra giám sát chất lượng nước theo phân cấp của Bộ Y tế, Sở Y tế.  | Cơ sở       | 09       | 00        | 09       | 100      |
| 3        | Số mẫu nước xét nghiệm ngoại kiểm tại các cơ sở cung cấp nước có công suất trên 1.000m <sup>3</sup> /ngày đêm tần suất 02 lần/năm  | Mẫu         | 72       | 84        | 268      | 372      |
| 4        | Chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát tuyến dưới triển khai việc giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh  | Huyện       | 09       | 00        | 09       | 100      |
| 5        | Tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về lĩnh vực nước sạch (hướng dẫn lấy mẫu nước), nhà tiêu cho tuyến dưới  | Lớp         | 01       | 01        | 01       | 100      |
| 6        | Triển khai các hoạt động truyền thông về sức khỏe môi trường thông qua các sự kiện như: Tuần Lễ quốc gia NS&VSMT; Ngày Môi trường thế giới; Tháng hành động vì môi trường; Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn. | Đợt         | 04       | 03        | 04       | 100      |
| 7        | Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, quan trắc môi trường y tế.  | Huyện       | 09       | 09        | 09       | 100      |
| 8        | Chủ trì, phối hợp với các cơ sở y tế tiến hành kiểm tra, rà soát quy trình phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế.  | Cơ sở       | 36       | 21        | 24       | 66,7     |
| 9        | Tổ chức đào tạo, tập huấn, truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý về chất thải y tế cho các cơ sở y tế và nhân viên làm phát sinh chất thải y tế tại đơn vị   | Lớp         | 02       | 00        | 00       | 00       |

| TT                                   | Nội dung hoạt động   | Đơn vị<br>tính | Kế<br>hoạch | Thực<br>hiện | Cộng<br>đồn | Đạt<br>% KH |
|--------------------------------------|--|----------------|-------------|--------------|-------------|-------------|
| 10                                   | Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở địa phương giám sát định kỳ việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế.                                       | Cơ sở          | 36          | 03           | 26          | 72,2        |
| 11                                   | Thu thập, cập nhật thông tin về nguồn thải và mức độ phát thải chất thải y tế hàng năm trên địa bàn tỉnh định kỳ hằng năm để báo cáo về Bộ Y tế  | Lượt           | 01          | 00           | 00          | 00          |
| 12                                   | Lập báo cáo giám sát công tác quản lý chất thải y tế và bảo vệ môi trường tại đơn vị theo đề án bảo vệ môi trường đã được Sở Tài nguyên và môi trường phê duyệt.                               | Lượt           | 04          | 00           | 02          | 50          |
| 13                                   | Phối hợp với Bệnh viện, Trung tâm Y tế lập báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ số môi trường và quan trắc môi trường của ngành y tế tại tất cả các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.             | Lượt           | 01          | 00           | 00          | 00          |
| 14                                   | Giám sát vệ sinh môi trường tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm và thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường khi có dịch hoặc tại các khu có nguy cơ ngập lụt                            | Lượt           | 01          | 00           | 00          | 00          |
| 15                                   | Cung cấp thông tin truyền thông về vệ sinh, sức khỏe môi trường, phòng chống các yếu tố môi trường, biến đổi khí hậu tác động lên sức khỏe cộng đồng cho Khoa Truyền thông giáo dục sức khỏe.  | Lượt           | 04          | 01           | 03          | 75          |
| <b>II. Hoạt động Y tế trường học</b> |  |                |             |              |             |             |
| 1                                    | Khám răng miệng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật   | Lượt           | 1.000       | 107          | 466         | 46,6        |
| 2                                    | Điều trị răng miệng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật   | Lượt           | 1.000       | 123          | 524         | 52,4        |
| 3                                    | Phối hợp với ngành Giáo dục để chỉ đạo tổ chức các hoạt động về y tế trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT   | Lượt           | 02          | 0            | 01          | 50          |
| 4                                    | Hướng dẫn, hỗ trợ Trung tâm Y tế và phòng giáo dục thực hiện công tác truyền thông giáo dục sức khỏe và giám sát dịch bệnh trong trường học, tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh. | Huyện          | 09          | 0            | 01          | 11,1        |

| TT | Nội dung hoạt động  | Đơn vị tính | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|---|-------------|----------|-----------|----------|----------|
| 5  | Chỉ đạo các Trung tâm Y tế huyện phối hợp với các đơn vị chuyên môn để tổ chức khám chuyên khoa, phát hiện, chẩn đoán, điều trị các bệnh tật cho học sinh                                     | Huyện       | 09       | 0         | 00       | 0        |
| 6  | Kiểm tra, giám sát các điều kiện về phòng học, bàn ghế, bảng viết, chiếu sáng, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, phòng Y tế, nhân viên Y tế trường học trong các trường trung học phổ thông | Trường      | 18       | 0         | 00       | 0        |
| 7  | Phối hợp với Trung tâm Y tế và Phòng giáo dục thực hiện đánh giá công tác y tế trường học tại các trường trung học phổ thông  | Trường      | 18       | 0         | 18       | 100      |
| 8  | Phối hợp với Ngành giáo dục tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về Y tế trường học cho cán bộ làm công tác Y tế trường học và đối tượng liên quan trên địa bàn tỉnh.              | Lớp         | 03       | 0         | 00       | 0        |

**Bảng 7. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Phòng chống bệnh Đái tháo đường – Rối loạn do thiếu I ốt (tính từ 05/6/2019 đến 04/7/2019)**

| TT       | Nội dung hoạt động                                       | Đơn vị tính | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----------|--|-------------|----------|-----------|----------|----------|
| <b>1</b> | <b>Hoạt động Phòng chống các rối loạn thiếu hụt I ốt</b> |             |          |           |          |          |
| 1.1      | Tỷ lệ bướu cổ trẻ em 8-10 tuổi                           | %           | <8       | 0         | 0        | 0        |
| 1.2      | Độ phủ muối iốt  | %           | ≥ 60     | 0         | 0        | 0        |
| 1.3      | Iốt niệu trung vị  | ≥           | 10μg/dl  | 0         | 0        | 0        |
| 1.4      | Đào tạo, tập huấn về PC CRLTI                            | Lớp         | 01       | 0         | 0        | 0        |
| <b>2</b> | <b>Hoạt động phòng chống Đái tháo đường</b>              |             |          |           |          |          |
| 2.1      | Đào tạo, tập huấn về Phòng chống ĐTĐ                     | Lớp         | 03       | 0         | 0        | 0        |
| 2.2      | Khám sàng lọc ĐTĐ  | Người       | 1250     | 0         | 0        | 0        |
| 2.3      | Tỷ lệ người bệnh sau khám phát hiện được tư vấn quản lý  | %           | 40       | 0         | 0        | 0        |

**Bảng 8. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em (tính từ ngày 05/6/2019 đến 04/7/2019)**

| TT | Nội dung hoạt động                    | ĐVT | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|---------------------------------------|-----|----------|-----------|----------|----------|
| 1  | Tổng số trẻ em từ 06 - 36 tháng tuổi  | Trẻ | 43.572   | 42.319    | 42.319   | 97,12    |
| 2  | Tỷ lệ trẻ em từ 06-36 tháng tuổi được | %   | >95      | 97,12     | 97,12    | 102      |

| TT | Nội dung hoạt động  | ĐVT   | Kế hoạch | Thực hiện                   | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|---|-------|----------|-----------------------------|----------|----------|
|    | uống Vitamin A  |       |          |                             |          |          |
| 3  | Tổng số bà mẹ sau sinh uống Vitamin A   | Bà mẹ | 15.689   | 1.543                       | 7.297    | 46,5     |
| 4  | Tỷ lệ bà mẹ sau sinh được uống Vitamin A 02 đợt   | %     | >80      | 47,42                       | 47,42    | 59,27    |
| 5  | Tỷ lệ trẻ < 2 tuổi được cân, đo và theo dõi biểu đồ tăng trưởng   | %     | ≥ 95%    | 95,8<br>(29.820/<br>31.120) | 95,8     | 95,8     |
| 6  | Tỷ lệ trẻ < 2 tuổi bị SDD   | %     | 7%       | -                           | -        | -        |
| 7  | Số trẻ < 5 tuổi thoát khỏi SDD  | Trẻ   | 2.000    | 547                         | 1.729    | 86,45    |
| 8  | Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi được cân vào tháng 6   | %     | ≥ 95%    | 97,44                       | 97,44    | 102,56   |
| 9  | Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (Giảm 0,3% so với năm 2018)<br>Cân nặng theo tuổi<br>Cân nặng theo chiều cao | %     | ↓0,3     | -                           | -        | -        |
| 10 | Điều tra Dinh dưỡng   | Cụm   | 30       | 0                           | 0        | 0        |
| 11 | Tổ chức hưởng ứng hoạt động tuần lễ dinh dưỡng và phát triển  | Cuộc  | 01       | 0                           | 0        | 0        |

**Bảng 9. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Phòng chống Bệnh Tim mạch, Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (tính từ 05/6/2019 đến 04/7/2019)**

**9.1. Chỉ tiêu Phòng, chống bệnh Tim mạch**

| TT | Nội dung hoạt động  | ĐVT   | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|---|-------|----------|-----------|----------|----------|
| 1  | Giám sát triển khai các hoạt động của dự án                               | Xã    | 18       | 0         | 0        | 0        |
| 2  | Đào tạo về kỹ năng chẩn đoán điều trị bệnh và khám sàng lọc tăng huyết áp | Lớp   | 03       | 0         | 0        | 0        |
| 3  | Quản lý người Tăng huyết áp sau khám sàng lọc                             | Người | 2.570    | 00        | 00       | 0        |
| 4  | Tư vấn và quản lý các đối tượng bị bệnh                                   | %     | 30       | 00        | 00       | 0        |

**9.2. Chỉ tiêu Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi**

| TT | Nội dung hoạt động                                 | ĐVT   | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|--|-------|----------|-----------|----------|----------|
| 1  | Khám sức khỏe định kỳ cho người > 60 tuổi          | Người | 99.878   | 0         | 27.959   | 28       |
| 2  | Khám và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi > 60 tuổi | Người | 99.878   | 0         | 48.680   | 48,7     |

| TT | Nội dung hoạt động   | ĐVT   | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|--|-------|----------|-----------|----------|----------|
| 3  | Khám lập hồ sơ quản lý sức khỏe người cao tuổi   | Người | 99.878   | 0         | 48.680   | 48,7     |
| 4  | Đào tạo chẩn đoán, điều trị về chuyên ngành lão khoa   | Lớp   | 02       | 0         | 0        | 0        |
| 5  | Đào tạo về truyền thông và cách quản lý chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cho Hội Người cao tuổi huyện/xã | Lớp   | 09       | 0         | 0        | 0        |

**Bảng 10. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Phòng, chống Lao (tính từ ngày 05/6/2019 đến 04/7/2019)**

| Nội dung hoạt động   | Đơn vị tính    | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt (%) |
|--|----------------|----------|-----------|----------|---------|
| <i>Kế hoạch hoạt động Dự án Lao</i>                                |                |          |           |          |         |
| - Đào tạo, tập huấn  | Lớp            | 3        | 0         | 0        | 0       |
| - Kiểm tra giám sát  | Lần/quí /huyện | 3        | 0         | 01       | 33      |
| - Số lượt khám phát hiện Lao                                       | Lượt           | 16.000   | 1026      | 7.272    | 45,5    |
| - Số bệnh nhân Lao được quản lý điều trị (Số liệu năm 2018 + 2019) | Người          | 2.387    | 92        | 1.917    | 80,3    |
| - Số bệnh nhân Lao được phát hiện mới (các thể) thu dung điều trị  | "              | 1.150    | 92        | 679      | 59      |
| - Số bệnh nhân Lao AFB + mới                                       | "              | 777      | 61        | 449      | 57,8    |
| - Số bệnh nhân Lao được điều trị khỏi                              | "              | 1.065    | 99        | 680      | 63,8    |
| - Tổng số lam xét nghiệm   | Lam            | 16.000   | 1198      | 9.004    | 56,3    |
| - Lao kháng thuốc  | Người          | 40       | 02        | 07       | 17,5    |
| - Lao trẻ em   | Người          | 46       | 3         | 5        | 10,9    |

**Bảng 11. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Phòng, chống bệnh Phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản (tính từ ngày 05/6/2019 đến 04/7/2019)**

| TT | Nội dung hoạt động        | ĐVT        | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|---------------------------|------------|----------|-----------|----------|----------|
| 1  | Hội nghị triển khai       | Lượt người | 225      | 00        | 00       | 00       |
| 2  | Khám sàng lọc             | Lượt người | 500      | 625       | 3.818    | 763,6    |
| 3  | Thu dung quản lý điều trị | Người      | 250      | 13        | 126      | 50,4     |

**Bảng 12. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Bảo vệ sức khỏe tâm thần (tính từ ngày 05/6/2019 đến ngày 04/7/2019)**

| Stt | Nội dung hoạt động                          | ĐVT   | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|-----|---|-------|----------|-----------|----------|----------|
| 1   | Tổng số lượt khám tâm soát                  | Lượt  | 1.100    | 104       | 702      | 63,8     |
| 2   | Tổng số bệnh tâm thần phát hiện mới         | Người | 50       | 28        | 144      | Đạt      |
| 3   | Tổng số bệnh tâm thần được quản lý điều trị | Người | 2.528    | 2.530     | 2.546    | Đạt      |
| 4   | Tổng số bệnh tâm thần điều trị ổn định      | Người | 2.217    | 2.204     | 2.206    | 99,5     |
| 5   | Tổng số bệnh tâm thần điều trị khỏi         | Người | 50       | 01        | 04       | 8        |

**Bảng 13. Kết quả thực hiện chỉ tiêu phòng, chống HIV/AIDS (tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/6/2019)**

| TT        | Nội dung hoạt động  | ĐVT   | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|-----------|---|-------|----------|-----------|----------|----------|
| <b>I</b>  | <b>Can thiệp, dự phòng và giám sát dịch</b>   |       |          |           |          |          |
| 1         | Tỷ lệ người nghiện chích ma túy tiếp cận với chương trình bơm kim tiêm                      | %     | 50       | 04        | 22/22    | 100      |
| 2         | Tỷ lệ người bán dâm tiếp cận với chương trình bao cao su                                    | %     | 70       | 00        | 30/30    | 100      |
| 3         | Tỷ lệ người Nam quan hệ tình dục đồng giới Nam tiếp cận với chương trình bao cao su         | %     | 50       | 05        | 19/19    | 100      |
| 4         | Số người nghiện các chất dạng thuốc phiện được điều trị thay thế bằng thuốc Methadone       | Người | 12       | 00        | 6/12     | 50       |
| 5         | Số xã, phường, thị trấn quản lý được người nhiễm HIV trên địa bàn                           | Xã    | 100      | 00        | 100/100  | 100      |
| 6         | Tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư  | %     | <0,2     | 00        | <0,2     | 100      |
| 7         | Số lượt người có nguy cơ cao lây nhiễm HIV được tư vấn và xét nghiệm HIV                    | Người | 2.500    | 22        | 1.322    | 53       |
| <b>II</b> | <b>Điều trị ARV và Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con</b>                               |       |          |           |          |          |
| 8         | Tỷ lệ bệnh nhân HIV/AIDS người lớn được bắt đầu điều trị ARV                                | %     | 90       | 09        | 74/74    | 100      |
| 9         | Tỷ lệ bệnh nhân HIV/AIDS trẻ em được bắt đầu điều trị ARV                                   | %     | 90       | 00        | 01/02    | 50       |
| 10        | Tỷ lệ bệnh nhân HIV/AIDS điều trị ARV được xét nghiệm tải lượng HIV trong theo dõi điều trị | %     | 90       | 00        | 00/00    | 00       |
| 11        | Tỷ lệ bệnh nhân HIV/AIDS điều trị ARV có tải lượng HIV thấp dưới ngưỡng ức chế              | %     | 80       | 00        | 00/00    | 00       |
| 12        | Tỷ lệ bệnh nhân HIV/AIDS điều trị ARV duy trì phác đồ bậc 1 sau 12                          | %     | 85       | 5/5       | 53/63    | 84       |

| TT         | Nội dung hoạt động  | ĐVT  | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|------------|---|------|----------|-----------|----------|----------|
|            | tháng bắt đầu điều trị  |      |          |           |          |          |
| 13         | Số lượt phụ nữ mang thai được tư vấn xét nghiệm HIV   | Lượt | 8.000    | 533       | 4.673    | 58,4     |
| 14         | Tỷ lệ phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con bằng thuốc ARV                | %    | 95       | 02        | 10/10    | 100      |
| 15         | Tỷ lệ bệnh nhân HIV/AIDS mới đăng ký điều trị ARV được điều trị dự phòng nhiễm trùng cơ hội bằng thuốc Cotrimoxazol | %    | 90       | 00        | 52/55    | 94,5     |
| 16         | Tỷ lệ bệnh nhân HIV/AIDS mới đăng ký điều trị ARV được điều trị dự phòng Lao bằng thuốc Isoniazid                   | %    | 90       | 10        | 69/74    | 97       |
| 17         | Tỷ lệ bệnh nhân HIV/AIDS đang điều trị ARV phát hiện Lao được điều trị đồng thời thuốc ARV và Lao                   | %    | 90       | 00        | 00/00    | 00       |
| 18         | Tỷ lệ cơ sở điều trị bằng thuốc ARV có ký hợp đồng khám chữa bệnh HIV/AIDS với BHYT                                 | %    | 100      | 00        | 08/10    | 80       |
| 19         | Tỷ lệ bệnh nhân HIV/AIDS điều trị ARV có thẻ BHYT   | %    | 100      | 22        | 516/653  | 78       |
| 20         | Tỷ lệ cán bộ bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp được điều trị dự phòng bằng thuốc ARV              | %    | 100      | 00        | 01/01    | 100      |
| <b>III</b> | <b>Tăng cường năng lực</b>  |      |          |           |          |          |
| 21         | Tỷ lệ cán bộ chuyên trách HIV/AIDS tuyến tỉnh, huyện, xã được tập huấn về phòng chống HIV/AIDS                      | %    | 90       | 03        | 138/123  | >100     |

**Bảng 14. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Chăm sóc sức khỏe sinh sản (tính từ ngày 05/6/2019 đến ngày 04/7/2019)**

| TT         | Nội dung                           | ĐVT   | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|------------|------------------------------------|-------|----------|-----------|----------|----------|
| <b>1/-</b> | <b>Chăm sóc sức khỏe bà mẹ</b>     |       |          |           |          |          |
|            | - Số lượt người khám phụ khoa      | Lượt  | 92.800   | 8.639     | 46.301   | 49,9     |
|            | -Số người điều trị phụ khoa        | Người | 39.000   | 3.385     | 17.763   | 45,54    |
|            | -Tổng số lượt khám thai            | Lượt  | 50.500   | 5.080     | 33.764   | 66,9     |
|            | - Số phụ nữ đẻ                     | Người | 15.560   | 810       | 7.124    | 45,8     |
|            | -Tỷ lệ phụ nữ đẻ được quản lý thai | %     | 98       | 99,9      | 99,9     | Đạt      |



| TT         | Nội dung   | ĐVT          | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn               | Đạt % KH |
|------------|--|--------------|----------|-----------|------------------------|----------|
|            | -Tỷ lệ phụ nữ được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thời kỳ | %            | 97,7     | 98        | 98,5                   | Đạt      |
|            | -Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế                            | %            | 98       | 100       | 99,9                   | Đạt      |
|            | -Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đã qua đào tạo đỡ        | %            | 100      | 100       | 100                    | Đạt      |
|            | -Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau đẻ           | %            | 81       | 94        | 93                     | Đạt      |
|            | -Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tuần đầu sau đẻ  | %            | 76       | 85        | 84                     | Đạt      |
|            | - Số trẻ sinh ra sống                                      | Trẻ          | 15.560   | 819       | 7.125                  | 45,8     |
|            | -Tỷ lệ phá thai  | %            | 25       | 2         | 2                      | Đạt      |
|            | -Tỷ số tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ sống                      | /100.000 trẻ | 25,4     | 00        | 00                     | Đạt      |
|            | Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi                         | ‰            | 3,0      | 05        | 1,4<br>(10/<br>7.125)  | Đạt      |
|            | Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi                         | ‰            | 3.3      | 05        | 1,54<br>(11/<br>7.125) | Đạt      |
| <b>2/-</b> | <b>Kế hoạch hóa gia đình</b>                               |              |          |           |                        |          |
|            | <b>Số người áp dụng các BPTT</b>                           | <b>Người</b> | 25.920   | 5.032     | 17.108                 | 66       |
|            | Trong đó:  |              |          |           |                        |          |
|            | - Đặt dụng cụ tử cung                                      | Người        | 9.100    | 771       | 3.393                  | 37,3     |
|            | - Đính sản   | Người        | 100      | 18        | 42                     | 42       |
|            | - Bao cao su   | Người        | 960      | 1.507     | 4.664                  | 485      |
|            | - Thuốc viên tránh thai                                    | Người        | 14.570   | 2.562     | 8.013                  | 55       |
|            | - Cây Implanon   | Người        | 120      | 00        | 14                     | 11,7     |
|            | - Tiêm thuốc tránh thai                                    | Người        | 1.070    | 174       | 982                    | 91,7     |

**Bảng 15. Kết quả thực hiện chỉ tiêu hoạt động Truyền thông Y tế (tính từ ngày 05/6/2019 đến ngày 04/7/2019)**

| TT | Nội dung hoạt động           | ĐVT | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|------------------------------|-----|----------|-----------|----------|----------|
| 1  | Sản xuất đĩa CD tuyên truyền | Đĩa | 500      | 00        | 00       | 00       |

| TT | Nội dung hoạt động   | ĐVT         | Kế hoạch          | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|--|-------------|-------------------|-----------|----------|----------|
| 2  | Tọa đàm, phóng sự, phát thông điệp tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh trên Đài PTTH | Lần         | Tọa đàm 06 lần    | 00        | 00       | 00       |
|    |  |             | Phóng sự 06 lần   | 00        | 00       | 00       |
|    |  |             | Thông điệp 80 lần | 24        | 47       | 58,75    |
| 3  | Hợp đồng Báo Trà Vinh đăng bài tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh                   | Bài         | 30                | 05        | 10       | 33       |
| 4  | Lắp đặt panô tại 09 huyện, thị xã, tp  | Bảng        | 18                | 00        | 00       | 00       |
| 5  | Sản xuất tờ bướm tuyên truyền  | Tờ          | 50.000            | 00        | 9000     | 18       |
| 6  | Sản xuất băng rol tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh.                               | Băng        | 1.200             | 106       | 221      | 18,4     |
| 7  | Sản xuất Tờ Thông tin sức khỏe   | Cuốn        | 8.000             | 00        | 3000     | 38       |
| 8  | Trang Thông tin điện tử  | Tin/<br>bài | 180               | 20        | 114      | 63       |
| 9  | Sản xuất mô hình truyền thông  | Mô hình     | 18                | 00        | 00       | 00       |
| 10 | Sửa chữa panô tuyên truyền   | Bảng        | 30                | 00        | 00       | 00       |
| 11 | Xe loa tuyên truyền  | Đợt         | 12                | 18        | 28       | 233      |
| 12 | Trang trí xe hoa diễu hành ngày PCCC   | xe          | 01                | 00        | 00       | 00       |
| 13 | Giám sát hoạt động truyền thông  | Đợt         | 04                | 09        | 19       | 475      |
| 14 | Đào tạo, tập huấn kỹ năng truyền thông   | Lớp         | 09                | 00        | 00       | 00       |
| 15 | Đào tạo, tập huấn kỹ năng viết tin bài   | Lớp         | 09                | 00        | 00       | 00       |
| 16 | Sơ, tổng kết   | Lần         | 02                | 00        | 00       | 00       |

**Bảng 16. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Khám tư vấn và điều trị dự phòng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (tính từ ngày 05/6/2019 đến ngày 04/7/2019)**

| TT | Nội dung hoạt động   | ĐVT   | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|--|-------|----------|-----------|----------|----------|
| 1  | Khám chỉ định tiêm phòng vắc xin dịch vụ                             | Người | 15.200   | 2.893     | 11.412   | 75,1     |
| 2  | Khám tư vấn xét nghiệm cho bệnh nhân                                 | Người | 2.200    | 378       | 1.572    | 71,5     |
| 3  | Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng các bệnh truyền nhiễm. | Người | 220      | 55        | 210      | 95,5     |

| TT | Nội dung hoạt động         | ĐVT   | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|----------------------------|-------|----------|-----------|----------|----------|
| 4  | Tiêm phòng vắc xin dịch vụ | Lọ    | 33.330   | 5.030     | 25.152   | 75,5     |
| 5  | Khám sức khỏe định kỳ      | Người | 2.000    | 1.024     | 5.637    | 281,9    |
| 6  | Khám bệnh nghề nghiệp      | Người | 2.000    | 110       | 987      | 48,9     |

**Bảng 17. Kết quả thực hiện chỉ tiêu Xét nghiệm (tính từ ngày 05/6/2019 đến ngày 04/7/2019)**

| TT | Nội dung hoạt động                      | ĐVT | Kế hoạch | Thực hiện | Cộng dồn | Đạt % KH |
|----|---|-----|----------|-----------|----------|----------|
| 1  | Xét nghiệm vi sinh nước                 | Mẫu | 72       | 117       | 370      | 513,9    |
| 2  | Xét nghiệm lý hóa nước                  | Mẫu | 72       | 143       | 394      | 275,5    |
| 3  | Xét nghiệm vi sinh thực phẩm            | Mẫu | 100      | 12        | 46       | 46       |
| 4  | Xét nghiệm lý hóa thực phẩm             | Mẫu | 100      | 07        | 26       | 26       |
| 5  | Xét nghiệm viên gan siêu vi             | Mẫu | 4.000    | 907       | 3.358    | 84       |
| 6  | Xét nghiệm sinh hóa-huyết học           | Mẫu | 3.800    | 1815      | 8.395    | 220,9    |
| 7  | Xét nghiệm tìm ký sinh trùng Sốt rét    | Mẫu | 200      | 0         | 147      | 73,5     |
| 8  | Xét nghiệm Muối Iod                     | Mẫu | 540      | 0         | 00       | 00       |
| 9  | Xét nghiệm PCR                          | Mẫu | 30       | 0         | 20       | 67       |
| 10 | Xét nghiệm Phong                        | Mẫu | 20       | 1         | 13       | 65       |
| 11 | Xét nghiệm Da liễu                      | Mẫu | 50       | 4         | 36       | 72       |
| 12 | Xét nghiệm Mac-Elisa/cas mắc SXH        | Mẫu | 7%       | 20        | 80/1007  | 7,94     |
| 13 | Phân lập vi rút /cas mắc Sốt xuất huyết | Mẫu | 3%       | 10        | 64/1007  | 6,36     |
| 14 | Xét nghiệm HIV                          | Mẫu | 1.500    | 465       | 1,252    | 83,47    |